**Ngày soạn: 28/ 11/ 2024 Giáo viên: Trần Đình Huấn**

**Tổ: Khoa học xã hội**

**Bài 5:**

**TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN**

**(** Văn bản thông tin) **(18 tiết)**

**A. ĐỌC**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

Thời gian thực hiện: 1 tiết( tiết 55)

**I. MỤC TIÊU: nham155ctst**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm văn bản thông tin

- Chủ đề: Từng bước hoàn thiện bản thân

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, trò chơi lành mạnh, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG1: MỞ ĐẦU ( 10 phút)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật hoặc Đuổi hình bắt chữ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*? Hãy cho biết một trò chơi dân gian mà em yêu thích và giới thiệu luật chơi với các bạn trong lớp (Hs làm việc cá nhân)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời

Hs tự chia sẻ tên trò chơi, GV gợi ý luật chơi trò Ô ăn quan

Vẽ một hình chữ nhật được chia đôi theo chiều dài và ngăn thành 5 hàng dọc cách khoảng đều nhau, ta có được 10 ô vuông nhỏ. Hai đầu hình chữ nhật được vẽ thành 2 hình vòng cung, đó là 2 ô quan lớn đặc trưng cho mỗi bên, đặt vào đó một viên sỏi lớn có hình thể và màu sắc khác nhau để dễ phân biệt hai bên, mỗi ô vuông được đặt 5 viên sỏi nhỏ, mỗi bên có 5 ô.

Hai người hai bên, người thứ nhất đi quan với nắm sỏi trong ô vuông nhỏ (người chơi tùy chọn ô). Các viên sỏi được rải đều từng viên một vào tất cả các ô, khi đến hòn sỏi cuối cùng ta vẫn bắt lấy ô bên cạnh và cứ thế tiếp tục đi quan (bỏ những viên sỏi nhỏ vào từng ô liên tục). Cho đến lúc nào viên sỏi cuối cùng được dừng cách khoảng là một ô trống, như thế là ta chặp ô trống bắt lấy phần sỏi trong ô bên cạnh để nhặt ra ngoài. Vậy là những viên sỏi đó đã thuộc về người chơi, và người đối diện mới được bắt đầu.

Đến lượt đối phương đi quan cũng như người đầu tiên, cả hai thay phiên nhau đi quan cho đến khi nào nhặt được phần ô quan lớn và lấy được hết phần của đối phương. Như thế người đối diện đã thua hết quan.

Hết quan tàn dân, thu quân kéo về. Hết ván, bày lại như cũ, ai thiếu phải vay của bên kia. Tính thắng thua theo nợ các viên sỏi.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:

Mỗi người sinh ra vốn có những thế mạnh và điểm yếu khác nhau, không ai hoàn hảo cả. Vậy nên từng bước hoàn thiện bản thân là yêu cầu chung đối với tất cả mọi người. Chủ điểm 5 sẽ phần nào giúp các em điều này.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 25 phút|)**

**I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:*

*+ Chủ đề của bài học là gì*

*+ Thể loại chính của chủ đề? Kể tên các văn bản trong chủ đề*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi:

- Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Từng bước hoàn thiện bản thân”

- Thể loại: Văn bản thông tin

- Các văn bản:

+ VB1: Chúng ta có thể đọc nhanh hơn (A-đam Khu)

+ VB 2: Cách ghi chép để nắm bắt nội dung bài học (Du Gia Huy)

+ Đọc kết nối chủ điểm: Bài học từ cây cau (Nguyễn Văn Học)

+ Đọc mở rộng theo thể loại: Phòng tránh đuối nước (Theo Nguyễn Trọng An)

**Bước 4: kết luận, nhận định:**

- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

**Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Đặc điểm văn bản nghị luận văn học

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Em hãy xác định một số yếu tố của văn bản thông tin giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi:

\* Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hay luật lệ

- Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động là một trong các kiểu văn bản thông tin. Trò chơi được giới thiệu có thể là trò chơi truyền thống hay trò chơi hiện đại. Hoạt động được giới thiệu có thể là hoạt động trong sinh hoạt, học tập hay lao động.

- Nhằm giúp cho người đọc hiểu được mục đích ý nghĩa, quy cách thực hiện, kiểu văn bản này thường phải có bố cục rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.

- Thông tin cơ bản là thông tin chính, quan trọng, toát ra từ toàn bộ văn bản.

- Chi tiết trong văn bản thông tin là đơn vị nhỏ làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ thông tin chính. Trong văn bản thông tin, thông tin cơ bản thường được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đặc bằng ngôn ngữ lần phi ngôn ngữ (số liệu sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu,…) Khái niệm “chi tiết” được hiểu linh hoạt theo nhiều cấp độ. Có thể sơ đồ hóa cấp độ như sau:

**(Thông tin cơ bản ⟹ Thông tin chi tiết bậc 1 ⟹ Thông tin chi tiết bậc 2 ⟹ v. v. )**

- Cước chú là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn,. . được dùng trong từng trang văn bản, đặt ở chân tràn. Ví dụ: chú thích 1,tr. 101, giúp phân biệt “đọc bằng mắt” với “đọc thầm”

- Tài liệu tham khảo là danh mục các tài liệu (Sách, công trình, bài báo,…) được tác giả văn bản trích dẫn, tham khảo và được trình bày theo một quy tắc nhất định

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi …để hướng dẫn học sinh luyện tập

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

**1. *Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động* thuộc kiểu văn bản nào?**

A. Văn bản văn học.

B. Văn bản thông tin.

C. Văn bản nghị luận.

**D. Kết hợp cả ba kiểu văn bản trên.**

**2. Trò chơi được giới thiệu trong kiểu văn bản *Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động*** **là những trò chơi như thế nào?**

**A. Các trò chơi truyền thống hoặc trò chơi hiện đại.**

B Các trò chơi phát sóng trên các kênh truyền hình của VTV.

C. Các trò chơi dân gian đặc sắc của địa phương.

D. Các trò chơi được giới trẻ trong nước và quốc tế yêu thích.

**3 Hoạt động được giới thiệu trong kiểu văn bản *Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động* là những hoạt động như thế nào?**

A. Hoạt động trong gia đình, trong lao động.

**B. Hoạt động trong sinh hoạt cộng đồng.**

C. Hoạt động trong học tập, trong đời sống.

D. Hoạt động trong sinh hoạt, lao động, học tập,...

***4*. Mục đích của kiểu văn bản *Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động là gì?***

A. Hiểu được ý nghĩa của quy tắc hay luật lệ đó.

B. Hiểu được mục đích, ý nghĩa, quy cách thực hiện.

**C. Hiểu được quy trình hoạt động của quy tắc hay luật lệ đó**

D. Hiểu được ý nghĩa và giá trị của quy tắc hay luật lệ đó.

**5. Thông tin cơ bản của văn bản thông tin là:**

**A. Thông tin chính, quan trong, toát ra từ toàn bộ văn bản.**

B. Thông tin cơ sở góp phần làm sáng tỏ nội dung của văn bản.

C. Thông tin được triển khai qua các đề mục, tiểu mục nhằm làm sáng tỏ nội dung văn bản

D. Thông tin không thể thiếu trong văn bản

**6. Trong văn bản thông tin, thông tin cơ bản được thể hiện như thế nào?**

A. Rõ ràng, cụ thể qua nội dung chính của văn bản.

**B. Được tóm lược khái quát qua nhan đề, sa-pô.**

C. Được triển khai qua các đề mục, tiểu mục của văn bản.

D. Được triển khai qua các ý lớn và ý nhỏ của văn bản.

**7. Trong văn bản thông tin, thông tin chi tiết được thể hiện như thế nào?**

A. Rõ ràng, cụ thể qua nội dung chính của văn bản.

B. Được tóm lược khái quát qua nhan đề, sa-pô.

**C. Được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ.**

D. Được triển khai qua các ý lớn và ý nhỏ của văn bản, hoặc qua các số liệu, hình ảnh, bảng biểu.

**8. Cước chú là gì?**

A. Là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn dùng trong văn bản, đặt ở cuối văn bản.

B. Là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn dùng trong sau nhan đề của văn bản

C. Là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn dùng trong từng trang văn bản, đặt ở dưới các nội dung cần giải thích.

**D. Là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn dùng trong từng trang văn bản, đặt ở chân trang.**

**9. Tài liệu tham khảo là gì?**

A. Là danh mục các tài liệu được nhà văn sưu tầm để sử dụng trong quá trình sáng tác,

**B. Là danh mục các tài liệu (sách, báo, công trình,...) được tác giả văn bản trích dẫn, tham khảo và được trình bày theo một quy cách nhất định.**

C. Là các cuốn sách tham khảo dùng trong học tập cho học sinh, sinh viên.

D. Là các cuốn sách đã được in ấn và xuất bản dùng trong học tập và nghiên cứu.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trả lời

**Bước 4:Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh làm thẻ thông tin

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Làm thẻ thông tin các từ khóa quan trọng của phần tri thức ngữ văn*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trả lời

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung

**VĂN BẢN 1.**

**CHÚNG TA CÓ THỂ ĐỌC NHANH HƠN**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết ( tiết 56)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Văn bản: “Chúng ta có thể đọc nhanh hơn” cung cấp cho chúng ta tri thức để giúp chúng ta có thể đọc với tốc độ nhanh hơn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin;

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1:MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi Bức ảnh bí mật

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, thái độ tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*1. Theo em, trong các hoạt động như đọc sách, ghi chép, ...có cần đến quy tắc, luật lệ không? Vì sao?*

*2. Khi đọc một văn bản, em thường đọc thành tiếng hay đọc thầm và em đã bằng lòng với khả năng đọc hiểu văn bản của mình chưa? Chia sẻ với các bạn thân cùng nhóm.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

1.

- Theo em, trong các hoạt động như đọc sách, ghi chép… có cần đến quy tắc, luật lệ.

Vì như vậy nội dung ghi chép sẽ được mạch lạc và dễ dàng theo dõi, những kiến thức trong sách được ghi chép có quy tắc sẽ dễ dàng ghi nhớ hơn. Ghi chép có luật lệ, quy tắc là phương pháp làm việc khoa học.

2.

- Khi đọc văn bản, tùy vào trường hợp em có thể đọc thành tiếng và đọc thầm. Ví dụ khi luyện đọc em sẽ đọc thành tiếng rõ ràng còn khi làm bài tập, đọc kĩ em sẽ đọc thầm.

- Em chưa bằng lòng với khả năng đọc hiểu văn bản của mình vì khả năng nắm nội dung chưa tốt/ đọc chưa rõ ràng. Hay em đã hài lòng với khả năng đọc hiểu văn bản vì em luyện tập thường xuyên/ làm bài tập đọc hiểu tốt.

- Em chia sẻ với các bạn.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét

**B. HOẠT ĐỘNG 2:**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

**I.Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV hướng dẫn cách đọc và trả lời câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*

*+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm :

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**1. Đọc**

- Hs đọc văn bản

- Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả**

- Adam Khoo sinh ngày 08/04/1974

- Quốc tịch: Singapore

- Ông được đánh giá là một trong những nhà truyền động lực có sức ảnh hưởng lớn nhất châu Á: ông là một doanh nhân, diễn giả nổi tiếng.

- Ông là triệu phú trẻ nhất ở Singapore với khối tài sản ròng trị giá hơn 1.3 tỉ USD, và được xếp hạng trong số 25 người giàu nhất ở Singapore dưới 40 tuổi năm 2008.

- Tác phẩm chính: Tôi tài giỏi, bạn cũng thế; Làm chủ tư duy, thay đổi vận mệnh; Con cái chúng ta đều giỏi; Bí quyết thành công cho tuổi teen; …

- Nội dung cuốn sách Tôi tài giỏi, bạn cũng thế: Chia sẻ những phương pháp, kĩ năng mà tác giả áp dụng trong nhiều năm để có được thành công trong học vấn và cuộc sống, Sách gồm bốn phần, 18 chương

**b. Tác phẩm**

- Xuất xứ: Trích từ cuốn sách Tôi tài giỏi, bạn cũng thế, chương 6. Phương pháp đọc để nắm bắt thông tin, thuộc phần II. Những phương pháp học siêu đẳng

- Thể loại: Văn bản thông tin

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin;

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu đặc điểm chung của văn bản thông tin giới thiệu một quy hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*GV phát PHT số 1, Hs thảo luận nhóm 4-6 em, đối chiếu các đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động với văn bản để chỉ ra đặc điểm của loại văn bản này trong văn bản Chúng ta có thể đọc nhanh hơn*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 1** | | | | **Tiêu chí** | **Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi/ hoạt động** | **Chúng ta có thể đọc nhanh?** | | **Nội dung** |  |  | | **Mục đích** |  |  | | **Thông tin cơ bản** |  |  | | **Thông tin chi tiết** |  |  | | **Phương tiện phi ngôn ngữ** |  |  | | **Cước chú** |  |  | | **Tài liệu tham khảo** |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 1** | | | | **Tiêu chí** | **Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi/ hoạt động** | **Chúng ta có thể đọc nhanh?** | | **Nội dung** | Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | Giới thiệu cách đọc văn bản hiệu quả | | **Mục đích** | Giúp người đọc hiểu được mục đích, ý nghĩa, cách thực hiện | Giúp người đọc biết cách đọc văn bản hiệu quả | | **Thông tin cơ bản** | Rõ ràng, có các đề mục | Hướng dẫn cách đọc văn bản nhanh và nắm thông tin hiệu quả ( thể hiện qua nhan đề, sa-pô) | | **Thông tin chi tiết** | Thông tin cụ thể, làm sáng tỏ thông tin chính | 6 đề mục: Cách sử dụng bút chì, tìm kiếm từ khóa, đọc “chụp”, nghe nhạc nhịp độ nhanh trong khi đọc, đọc tóm tắ, di chuyển bút nhanh | | **Phương tiện phi ngôn ngữ** | Hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu | Hình ảnh | | **Cước chú** | Lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết,… trong văn bản | Chú giải ở cuối trang 100 | | **Tài liệu tham khảo** | Danh mục các tài liệu được tác giả dùng để trích dẫn, tham khảo khi viết bài | Tài liệu tham khảo | |

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Tìm hiểu đặc điểm chung của văn bản thông tin giới thiệu một quy hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động**

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**2. Tìm hiểu về thông tin cơ bản và mối quan hệ giữa thông tin cơ bản- thông tin chi tiết- mục đích viết của văn bản**

- Thông tin cơ bản và mối quan hệ giữa thông tin cơ bản- thông tin chi tiết- mục đích viết của văn bản: PHT số 2

- Hình ảnh minh họa

+ Ở mục 1,2,3: Hướng dẫn học sinh cách đọc văn bản nhanh theo các cách: sử dụng bút chì, tìm kiếm từ khóa và đọc “chụp”. Thông tin trong đoạn này khá trừu tượng nên nếu không có hình ảnh minh họa thì người đọc khó có thể hình dung được thế nào là dùng bút chì làm vật dẫn đường, đọc “chụp”

+ Ở mục 4,5,6: Nội dung ở phần này khá cụ thể, dễ hiểu (nghe nhạc nhịp độ nhanh, đọc tóm tắt, di chuyển bút nhanh), vì thế không cần hình ảnh, người đọc vẫn có thể tiếp nhận được thông tin. Việc tiếp nhận vẫn thuận lời dù không có ảnh minh họa vì phần này hướng dẫn cách đọc quen thuộc và dễ hình dung đối với người đọc (tập nghe nhạc nhịp độ nhanh khi đọc, đọc phần tóm tắt cuối chương trước, liên tục thúc đẩy và thử thách khả năng của bạn.

**PHT số 2**

**Mối quan hệ giữa thông tin cơn bản - thông tin chi tiết – mục đích viết**

**của**

văn bản

Thông tin cơ bản

………………..……………..

Thông tin chi tiết

……………………….

Thông tin chi tiết

……………………….

Thông tin chi tiết

……………………….

Thông tin chi tiết

……………………….

Thông tin chi tiết

……………………….

Thông tin chi tiết

……………………….

**Mục đích**

……………………………………………..

**Gợi ý**

**Thông tin cơ bản**

**Các cách đọc văn bản hiệu quả**

Di chuyển bút nhanh

Tìm từ khóa

Nghe nhạc

nhịp độ nhanh

Đọc tóm tắt trước

Sử dụng bút chì

Đọc “chụp”

**Mục đích**

Giúp người đọc biết cách đọc hiệu quả thông qua các thông tin được thể hiện bằng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Thông tin

cơ bản

Các cách đọc văn bản

hiệu quả

**NV3: Hướng dẫn học sinh cước chú và tài liệu tham khảo**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Gv phát cho học sinh phiếu số 3*

**PHT số 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Nơi xuất bản** | **Năm xuất bản** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| - Tác dụng của việc trình bày tài liệu tham khảo:  - Chỉ ra cước chú: | | | | |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày

**Gợi ý**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Nơi xuất bản** | **Năm xuất bản** |
| 1 | Ban-lơ (Bandler), R. | Cấu trúc của ma thuật II (The structure of magic II) | California: Meta Publication | 1975 |
| 2 | Ban-lơ (Bandler), R. | Thời gian cho một thay đổi (Time for a change) | California: Meta Publication | 1993 |
| 3 | Bu-gian (Buzan), T. | Sử dụng trí nhớ của bạn (Use your memory) | London: BBC | 1989 |
| 4 | Bu-gian (Buzan), T. | Sách bản đồ tư duy (The mind map book) | London: BBC | 1993 |
| 5 | Rô-sờ (Rose), C., and Nicoll, M.J. | Tăng tốc học hỏi cho thế kỉ XXI (Accelerated learning for the 21st century) | New York: Dell Publishing | 1984 |
| 6 | Sôn (Shone), S. | Hình dung sáng tạo (Creative visualisation) | London: The Aquarian Press | 1984 |
| - Tác dụng của việc trình bày tài liệu tham khảo: bảo đảm quy cách khi viết và tăng độ tin cậy của các thông tin trong văn bản, đồng thời tạo cơ hội cho người đọc tra cứu tìm hiểu thêm khi có nhu cầu  - Chỉ ra cước chú:  + Cước chú 1 trang 100 giải thích sự khác nhau giữa "đọc bằng mắt" và "đọc thầm"  + Cước chú 1 trang 101 giải thích sự khác nhau giữa số lượng đơn vị tham khảo trong văn bản gốc của tác giả và văn bản sử dụng trong sách giáo khoa | | | | |

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**NV4: Hướng dẫn học sinh Chia sẻ bài học về cách nghĩ và ứng xử của cá nhân**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Gv phát cho học sinh văn bản:* ***Giá trị các trò chơi dân gian cần bảo tồn và phát huy*** *và yêu cầu học sinh vận dụng một trong sáu cách đọc hiệu quả mà văn bản đã đề cập. Sau đó chia sẻ về kết quả (Em thấy bản thân có thể tập luyện để đạt tốc độ đọc hơn hay không? Vì sao?)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời: - Hs thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ trải nghiệm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hướng dẫn

- HS suy nghĩ

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm

**1. Nội dung**

- Văn bản giới thiệu những quy tắc, cách thức mới của hoạt động đọc để giúp chúng ta có thể đọc nhanh hơn

**2. Nghệ thuật**

- Ngôn từ dễ hiểu

- Cách triển khai ý kiến, luận điểm rõ ràng, chặt chẽ

- Kết hợp phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ giúp người đọc dễ dàng theo dõi

- HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cách tổng kết 2**  **PHT số 5**   |  |  | | --- | --- | | **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** | |  |  | |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Ai là triệu phú” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

**1. Văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* thuộc kiểu văn bản nào?**

A. Văn bản thông tin. B. Văn bản biểu cảm.

**C. Văn bản nghị luận.**  D. Văn bản văn học.

**2. Văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* được trích từ cuốn sách nào?**

A. Những quy tắc trong công việc

B. Tôi tài giỏi, bạn cũng thế.

C. Những quy tắc để giàu có.

**D. Hoàn thành mọi việc không hề khó.**

**3. Trong các tác giả sau, ai là tác giả của cuốn sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế*?**

A. La-gom. **B To-ny.** C. A-dam Khu. D. Du Gia Huy

**4. Văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* có bao nhiều đề mục?**

A. Ba đề mục. B. Bốn đề mục.

C. Năm đề mục. **D. Sáu đề mục.**

**5. Các đề mục của văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn*, tập trung vào vấn đề gì?**

**A. Hướng dẫn người đọc biết cách đọc sách nhanh hơn.**

B. Hướng dẫn người đọc biết cách đọc sách hiệu quả hơn.

C. Trình bày và hướng dẫn người đọc làm quen với cách đọc sách nhanh và hiệu quả hơn.

D. Hướng dẫn người đọc cách đọc sách trong thời đại công nghệ 4.0.

**6. Sử dụng một cây bút chì là vật dẫn đường có tác dụng gì trong việc đọc sách?**

A. Tập trung hơn trong việc đọc sách và có tác dụng trong việc điều khiển tốc độ đọc của mắt.

**B. Đánh dấu những câu, đoạn, đề mục quan trọng, giúp cho việc đọc được nhanh hơn.**

C. Giúp việc ghi chép trong quá trình đọc được thuận lợi hơn.

D. Rèn luyện cho đôi mắt đuổi theo bút và việc đọc sẽ nhanh hơn.

**7. *Tìm kiếm các ý chính và các từ khóa* có tác gì trong việc đọc sách?**

**A. Giúp việc tiếp thu thông tin dễ dàng hơn.**

B. Giúp cho tiến trình nắm bắt thông tin nhanh hơn.

C. Giúp người đọc nhớ nhanh hơn nội dung cần đọc.

D. Giúp người đọc nhớ lâu hơn nội dung cần đọc.

**8. Theo tác giả vì sao cần *Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5-7 chữ một lúc?***

A. Vì tốc độ đọc sẽ nhanh hơn.

B. Giúp cho việc nắm thông tin hiệu quả hơn.

**C. Dễ dàng nắm được ý chính và từ khóa.**

D. Vì tốc độ đọc sẽ nhanh hơn và việc nắm thông tin hiệu quả hơn.

**9. *Tập nghe nhạc không lời có nhịp độ nhanh* có tác dụng gì trong việc đọc sách?**

**A. Vừa được đọc sách vừa nghe được bản nhạc mà mình yêu thích.**

B. Tạo ra sự thư giãn trong quá trình đọc.

C. Rèn luyện cho não và mắt đọc nhanh hơn.

D. Tạo cho việc đọc sách có hứng thú hơn.

**10. Vì sao khi đọc sách, không nên bỏ qua *phần tóm tắt cuối chương*?**

A. Có được khái niệm chung về nội dung chính của chương, đồng thời giúp cho việc nắm chắc những thông tin cần thiết cần.

B. Giúp cho việc đọc nhanh hơn và nắm được các từ khóa của toàn văn bản thuận lợi hơn.

**C. Giúp nắm được các ý chính của toàn văn văn nhanh chóng và thuận lợi hơn.**

D. Giúp cho việc hiểu nội dung của văn bản thuận lợi hơn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 5 phút)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Viết đoạn văn khoảng 7 đến 10 câu chia sẻ về một phương pháp đọc hiệu quả mà em đã áp dụng*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**IV. Phụ lục**

**Giá trị các trò chơi dân gian cần bảo tồn và phát huy**

Các trò chơi dân gian các dân tộc có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học vô cùng lớn. Đó còn thể hiện tính cộng đồng, tính tập thể, tinh thần đoàn kết trong nhân dân rất cao. Và càng đặc biệt hơn, khi các trò chơi dân gian này chỉ được lưu truyền bằng hình thức truyền miệng, truyền tay và được học hỏi trong quá trình biểu diễn hay thi đấu.

Trò chơi dân gian các dân tộc được bảo tồn qua nhiều đời trong đời sống cộng đồng, được lưu giữ và phát huy gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội của các dân tộc anh em. Góp phần hình thành nên sự kiên cường, sự dẻo dai và ý thức vươn lên trong những hoàn cảnh khó khăn, giành chiến thắng của mỗi con người, mỗi cộng đồng người trong những hoàn cảnh khắc nghiệt, trong những điều kiện không thuận lợi. Cũng chính những trò chơi dân gian này làm nên những bản sắc đặc trưng và khu biệt của mỗi cộng đồng.



Việc khôi phục lại các lễ hội truyền thống, trong đó có các trò chơi dân gian như kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, tung còn, đấu vật, đua voi, đua bò, đua ghe… được quan tâm hơn. Bên cạnh đó, các phong trào tổ chức ngày hội văn hóa thể thao diễn ra sôi nổi cũng góp phần không nhỏ vào việc bảo tồn các trò chơi dân gian. Nhưng cần thiết hơn nữa là việc tổ chức thường xuyên tạo thành nếp sinh hoạt của người dân. Để mọi người có thể tham gia cùng nhau thi tài, cũng là cơ hội truyền dạy cho thế hệ trẻ cũng như gìn giữ được nét văn hóa tốt đẹp trong đời sống.

Các trò chơi văn hóa dân gian các dân tộc như: nu na nu nống, thả đỉa ba ba, trồng nụ, bịt mắt bắt dê, chơi u, chắt chuyền, ô ăn quan... kèm theo các câu đồng dao khuyến khích sự khéo léo, vui đùa tập thể. Ngoài ra còn có các trò như: đánh khăng, trốn tìm, cướp cờ, ống phóc, nhảy dây... thể hiện sự khéo léo, tính tập thể. Lớn dần lên theo lứa tuổi lại có các trò chơi có tính chuyên môn hơn như: bắn nỏ, đẩy gậy, đi cà kheo, thi bơi, vật, ném còn... Các trò dân gian có vai trò vô cùng quan trọng trong sinh hoạt, góp phần giáo dục con người về tính tập thể, tinh thần kỷ luật, ý chí vươn lên giành chiến thắng, rèn luyện thể chất, sức mạnh, dẻo dai, khôn khéo và sức chịu đựng của con người, giúp con người ngày càng phát triển toàn diện về trí, đức, thẩm, mỹ.

Tuy nhiên trong đời sống hiện nay, khi quá trình hội nhập và phát triển, sự giao lưu và tiếp biến văn hóa và sự ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp của nhiều trào lưu văn hóa mới, cùng với sự tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường đã dẫn tới những sự đổi thay mang tính tiêu cực của các trò chơi dân gian của các dân tộc. Đặc biệt, giá trị của các trò chơi đang có nguy cơ mai một, biến mất hay biến tướng một cách bất thường và nhanh chóng. Thay thế vào đó là các trò chơi mới được du nhập không phù hợp với văn hóa, thể chất của con người Việt Nam. Chính vì thế mấy năm trở lại đây, ở một số địa phương việc bảo tồn, lưu giữ và phát huy giá trị của các trò chơi văn hóa dân gian đã được quan tâm, chú trọng.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc nói chung, trò chơi dân gian nói riêng cần được xác định là nhiệm vụ quan trọng của mọi cấp, ngành và toàn thể xã hội. Thông qua các trò chơi có thể nâng cao thể chất, ý chí phấn đấu của con người; giáo dục ý thức cộng đồng, bản sắc và truyền thống văn hoá dân tộc cho các thế hệ. Đồng thời, từng bước nâng tầm các trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số trở thành các môn thể thao đại chúng trong khu vực và toàn quốc.

**Bùi Hữu Cường**

**VĂN BẢN 2: CÁCH GHI CHÉP ĐỂ NẮM CHẮC NỘI DUNG BÀI HỌC**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết ( từ tiết 57 đến tiết 58)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Văn bản: “Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học” cung cấp cho chúng ta tri thức để giúp chúng ta có thể để nắm chắc nội dung bài học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1:MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Mỗi khi đọc lại phần ghi chép bài học trong các trang vở của mình, em có thấy nội dung ghi chép của em dễ hiểu, dễ nhớ hay không?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ, gợi mở

- HS thảo luận nhóm để thống nhất sản phẩm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 2-3 nhóm trình bày sản phẩm

Hs trả lời

(Mỗi khi đọc lại phần ghi chép bài học trong các trang vở của mình, em thấy nội dung ghi chép của em dễ nhìn tuy nhiên chưa giúp em dễ nhớ khi đọc lại vì chưa có sự ghi chép khoa học, dễ hiểu)

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Ghi chép là hoạt động thường nhật của học sinh. Tuy nhiên, không phải bạn nào cũng biết cách ghi chép sao cho hiệu quả. Văn bản “Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học” của tác giả Du Gia Huy sẽ hỗ trợ các em kĩ năng này

**B. HOẠT ĐỘNG** 2: **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 75 phút)**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV hướng dẫn cách đọc*

*+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi dự đoán và liên hệ*

*. Đoạn văn in nghiêng có vai trò thế nào trong văn bản?*

*. Đã bao giờ em dùng các "mẹo nhỏ" này trong ghi chép chưa?*

*+ Trình bày thông tin về tác phẩm*

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

**1. Đọc**

- Hs lần lượt đọc văn bản

- Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn

+ Đoạn văn in nghiêng có vai trò giải thích ý nghĩa cho các thuật ngữ chính mà văn bản nhắc tới

+ Hs chia sẻ

**2. Tìm hiểu chung**

- Thể loại: văn bản thông tin

- Xuất xứ: Trích trong chương 2 của cuốn sách Bí kíp ghi chép hiệu quả

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

**II Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của người viết qua ngôn ngữ văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*GV phát PHT số 1, học sinh thảo luận nhóm 4-6 em để tìm hiểu về dấu hiệu nhận biết đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ được thể hiện qua văn bản*

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu hiệu chung để nhận biết văn bản thông tin giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** | **Văn bản Cách ghi chép nội dung bài học** |
| Nội dung: | Nội dung: |
| Hình thức: | Hình thức: |
| Mục đích: | Mục đích: |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu hiệu chung để nhận biết văn bản thông tin giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** | **Văn bản Cách ghi chép nội dung bài học** |
| Nội dung: giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | Nội dung: giới thiệu quy tắc, cách thức ghi chép |
| Hình thức: Bố cục rõ ràng, có các đề mục, kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ | Hình thức: Bố cục gồm 2 phần lớn (thông tin bậc 1) và các phần nhỏ (thông tin bậc 2), đề mục rõ ràng, kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ |
| Mục đích: Giúp người đọc hiểu ý nghĩa, cách thức thực hiện | Mục đích: Giúp người đọc hiểu ý nghĩa của cách ghi chép, biết cách ghi chép, từ đó nắm chắc nội dung bài học. |

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**NV2: Tìm hiểu về thông tin cơ bản của văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*+ GV viên phát PHT số 2, Hs thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu về thông tin cơ bản, thông tin chi tiết và mục đích viết của văn bản cũng như mối quan hệ của chúng. Giải thích ý nghĩa của các mũi tên trong sơ đồ.*

*+ Hình minh họa trong mục A (mục 1. Phân vùng) đã hỗ trợ như thế nào cho phần lời trong việc thể hiện thông tin cơ bản ở phần này?*

*+ Việc tách riêng mỗi “mẹo nhỏ” trong ghi chép thành một đoạn riêng và đánh dấu bằng gạch đầu dòng trong mục Mẹo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?*

*+ Theo em, các từ ngữ, câu văn được in đậm và được đánh dấu bằng các chữ số 1,2,3,4 ở một số dòng trong mục B (Học cách tìm nội dung chính) có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2:thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

**2. Tìm hiểu về thông tin cơ bản, thông tin chi tiết của văn bản**

**-** Thông tin cơ bản, thông tin chi tiết và mục đích viết của văn bản cũng như mối quan hệ của chúng: PHT số 2

- Mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích viết: Thông tin cơ bản được thể hiện

- Hình minh họa góp phần thể hiện rõ quy tắc phân vùng trên trang giấy khi ghi chép

- Tách riêng mục “mẹo nhỏ” để nhấn mạnh thông tin quan trọng/ thông tin chi tiết bậc 3. Thông tin này lại được triển khai thành các gạch đầu dòng (thông tin chi tiết bậc 4): giải thích, lầm rõ thông tin bậc 3. Tác dụng: giúp chi việc thể hiện thông tin mạch lạc

- Các từ ngữ, câu văn được in đậm và được đánh dấu bằng các chữ số 1,2,3,4 ở một số dòng trong mục B có tác dụng nhấn mạnh thông tin quan trọng, giúp thể hiện thông tin một cách rõ ràng, cụ thể

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Điền vào sơ đồ mối quan hệ giữa các thông tin cơ bản, thông tin chi tiết và mục đích viết, giải thích

ý nghĩa các mũi tên trong sơ đồ

|  |
| --- |
| **Thông tin cơ bản**  ………………………………………………………….  Thông tin chi tiết bậc 1  ………………………………………………………….  Thông tin  chi tiết bậc 2  Thông tin  chi tiết bậc 2  Thông tin  chi tiết bậc 2  Thông tin chi tiết bậc 1  ………………………………………………………….  Thông tin  chi tiết bậc 2  Thông tin  chi tiết bậc 2  Thông tin  chi tiết bậc 2  Thông tin  chi tiết bậc 2  **Mục đích**  ………………………………………………………….  Điền vào sơ đồ mối quan hệ giữa các thông tin cơ bản, thông tin chi tiết và mục đích viết, ý nghĩa các mũi tên.  **Sơ đồ mối quan hệ giữa các thông tin cơ bản, thông tin chi tiết**  **và mục đích viết**  **Thông tin cơ bản**  Hướng dẫn cách ghi chép thông tin và nắm thông tin hiệu quả  Thông tin chi tiết bậc 1  Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần  Thông tin  chi tiết bậc 2:  phân vùng  Thông tin  chi tiết bậc 2:  chia theo màu sắc  Thông tin  chi tiết bậc 2:  Khoanh vùng trọng tâm  Thông tin chi tiết bậc 1  Học cách tìm nội dung chính  Thông tin  chi tiết bậc 2:  Tìm từ khóa và câu chủ đề  Thông tin  chi tiết bậc 2:  Đánh dấu nội dung…  Thông tin  chi tiết bậc 2:  tự đặt câu hỏi và trả lời  Thông tin  chi tiết bậc 2:  Dùng sơ đồ tóm tắt lại  **Mục đích**  Giúp người đọc hiểu ý nghĩa của các ghi chép, biết cách ghi chép, từ đó nắm chắc nội dung bài học  - Ý nghĩa các mũi tên:  + Mũi tên hai chiều thể hiện tác động hai chiều giữa thông tin cơ bản, thông tin chi tiết: thông tin cơ bản được thể hiện qua các thông tin chi tiết, thông tin chi tiết làm rõ thông tin cơ bản  + Mũi tên một chiều: các thông tin cơ bản, thông tin chi tiết làm rõ mục đích của văn bản |

**NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Tìm hiểu ý nghĩa của văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Văn bản đã mang lại những điều gì có ích cho việc ghi chép trong học tập của em?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời:

**3. Tìm hiểu ý nghĩa của văn bản**

Gợi ý:

Văn bản đã mang lại nhiều điều có ích cho việc ghi chép trong học tập của em như:

- Cách lập ra quy tắc ghi chép

- Cách tìm nội dung chính

- Cách phân tích và đối chiếu

=> Đây đều là những điều cần thiết cho việc ghi chép giúp em ghi chép khoa học và dễ hiểu hơn.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Hs trả lời

**1. Nội dung**

Văn bản hướng dẫn cách ghi chép thông tin nhanh và nắm thông tin hiệu quả.

**2. Nghệ thuật**

- Hình thức rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, được chia ra làm nhiều đề mục và có hình ảnh minh họa.

- Ngôn ngữ có tính chính xác, cô đọng, chặt chẽ

- Hs khác lắng nghe, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại

**C.D HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “...”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “...”,

**Câu 1: Văn bản Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học của tác giả nào?**

1. A-đam Khu
2. **Du Gia Huy.**
3. Nguyễn Duy Cần.
4. Đặng Hoàng Giang.

**Câu 2: Văn bản Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học thuộc kiểu văn bản nào?**

1. **Văn bản thông tin.**
2. Văn bản nghị luận.
3. Văn bản văn học
4. Kết hợp cả ba kiểu văn bản trên.

**Câu 3: Theo tác giả có mấy cách ghi chép để sao cho chỉ nhìn một lần là biết trọng tâm nằm ở đâu?**

1. Hai cách ghi chép.
2. **Ba cách ghi chép.**
3. Bốn cách ghi chép.
4. Năm cách ghi chép.

**Câu 4: Theo tác giả các cách ghi chép nhằm giúp nắm nhanh trọng tâm là các quy tắc nào?**

1. Lập ra quy tắc ghi chép: Chia rõ các phần; Học cách tìm nôi dung chính; Dùng sơ đồ tóm tắt các kiến thức đã học.
2. Lập ra quy tắc ghi chép: Chia rõ các phần; Chia theo màu sắc; Khoanh vùng trọng tâm.
3. Lập ra quy tắc ghi chép: Chia rõ các phần; Học cách tìm nội dung chính.
4. **Lập ra quy tắc ghi chép: Chia rõ các phần; Học cách tìm nội dung chính; Phân tích và đối chiếu; Thiết lập các mối liên hệ giữa các trọng tâm bài học.**

**Câu 5: Chia theo màu sắc có tác dụng gì trong việc ghi chép để nắm chắc bài học?**

1. Tạo nên sự hấp dẫn, sinh động khi nhớ lại nội dung bài học.
2. Tạo nên điểm nhấn trên tài liệu, giúp cho việc đọc lại bài học thoải mái về mặt tâm lí...
3. **Qua sự quy định về màu sắc với các nội dung cần ghi, khi nhìn vào màu sắc để biết trọng tâm nằm ở đâu.**
4. Dùng để nhấn mạnh các nội dung có thể kiểm tra hoặc thi.

**Câu 6: Theo tác giả có mấy cách để Học cách nắm bắt nội dung chính?**

1. Hai cách.
2. Ba cách.
3. **Bốn cách.**
4. Năm cách.

Câu 7: Theo tác giả, cần tìm chìa khóa và câu chủ đề bằng cách nào?

A. Chú ý đến những câu được viết hoa, những câu mở đầu, những câu kết thúc

**B. Chú ý đến những câu được tô đậm, được viết in hoa, những câu mở đầu, những câu kết thúc,...**

C. Chú ý đến những câu được tô đậm, những câu có những từ ngữ đặc sắc.

D. Chú ý đến những câu được tô đậm, được viết in hoa, những câu thể hiện quan điểm của người viết.

**8. Dùng sơ đồ để đồ để tóm tắt lại kiến thức đã học có tác dụng gì trong việc nắm chắc nội dung chính của bài học?**

**A. Dễ dàng nhìn ra mối quan hệ giữa các nội dung.**

B. Dễ dàng nhìn ra ý chính của văn bản cần tóm tắt.

C. Dễ dàng năm được mối quan hệ giữa giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của

văn bản.

D. Dễ dàng năm được mục đích và đặc điểm của văn bản.

**9. Hình 1, *phân vùng A, B, C trên trang ghi chép* trong bài viết có tác dụng gì?**

A. Giúp cho việc thể hiện văn bản được chính xác, rõ ràng, sinh động và hấp dị

B. Giúp cho việc thể hiện văn bản đúng trong tâm hơn.

C. Giúp cho việc thể hiện nội dung của văn bản đúng hướng hơn.

**D. Giúp cho người đọc hình dung nội dung mục A một cách cụ thể hơn, giúp phần lời được thể hiện rõ ràng, sinh động hơn.**

**10. Khi trình bày tài liệu tham khảo, cần có những loại thông tin nào?**

**A. Tên tác giả, tên văn bản, nơi xuất bản, năm xuất bản,...**

B. Tên tác giả, tên dịch giả, nơi xuất bản, năm xuất bản.

C. Tên tác giả, tên văn bản, nơi xuất bản, trang trích dân.

D. Tên tác giả, tên văn bản, năm xuất bản, giá tiền.

**11. Việc trình bày tài liệu tham khảo có tác dụng gì?**

A. Giúp biết được thêm về các công trình cùng nghiên cứu về vấn đề, để khi cần có thể tham khảo thêm.

B. Giúp biết rõ các tác giả cùng nghiên cứu về vấn đề, để khi cần có thể trao đổi thông tin.

**C. Giúp biết rõ nguồn gốc được tham khảo để viết văn bản, tăng độ tăng độ thuyết phục cho văn bản.**

D. Giúp cho văn bản trở nên đầy đủ thông tin hơn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs nhận xét

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**IV. Phụ lục**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết (từ tiết 59 đến tiết 60)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kiến thức về thuật ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thuật ngữ

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV phát PHT số 1

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 | |
| **Từ ngữ** | **Thường xuất hiện trong SGK môn nào?** |
| Bài thơ, ngôi kể, truyện kể, đồng thoại, cụm từ, danh từ, cụm động từ, từ Hán Việt,…. |  |
| Đường tròn, hình vuông, diện tích, chu vi, phân số, số thập phân,…. |  |
| Thương cảng, giai cấp, nô lệ, thời đại đồ đá, thiên niên kỷ, trước Công Nguyên,… |  |
| Vỏ Trái Đất, bản đồ, khí hậu, biến đổi khí hậu, hành tinh, hệ Mặt Trời,…. |  |
| Tế bào, oxygen, lực ma sát, lực tiếp xúc, cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào, dung môi, dung dịch,… |  |
| Chai tay, chạy biến tốc, chân trụ, dẫn bóng,… |  |
| Âm ổn định của gam Đô trưởng, âm hình tiết tấu, độc tấu, hành khúc, hòa tấu, tiết tấu, thang âm, quãng,… |  |
| Kiểm soát lo lắng, kiểm soát nóng giận, lứa tuổi, thích ứng, chi tiêu,… |  |
| Nghĩa vụ, nhận thức, hiến pháp, gia đình, dòng họ, ứng phó, quốc tịch, quyền, truyền thống gia đình,… |  |
| Những từ này thường được thống kê trong bảng phụ lục của các quyển SGK, chúng được gọi là gì | |

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Hs thực hiện PHT số 1

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo,thảo luận**

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới*

**B. HOẠT ĐỘNG 2:** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 40 phút)**

**\* Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thuật ngữ

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV phát PHT số 1 để hướng học sinh tìm hiểu về thuật ngữ*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

Thuật ngữ, đặc điểm và chức năng

- Thuật ngữ là từ, ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản thông tin thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn bản nghị luận.

- Đặc điểm của thuật ngữ. Thuật ngữ có hai đặc điểm chính.

+ Thứ nhất, trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

+Thứ hai, thuật ngữ không có tính biểu cảm. Ví dụ: Muối là một thuật ngữ Khoa học Tự nhiên, không có sắc thái biểu cảm: “Muối là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc axit. ”

- Chức năng của thuật ngữ. Thuật ngữ được dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 40 phút)**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thuật ngữ

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

**Câu 1:** “Quy tắc”, “luật lệ” có phải là thuật ngữ không? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?

“Quy tắc”, “luật lệ” là thuật ngữ. Vì những từ ngữ này biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ

**Câu 2**

Trong phần B của văn bản Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học, “từ khóa”, “câu chủ đề” có phải là thuật ngữ không? Vì sao?

Trong mục 2 của văn bản Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học, “từ khóa”, “câu chủ đề” là thuật ngữ. Vì những từ ngữ này biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ

**Câu 3**

Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần A,B của văn bản Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần văn bản** | **Thuật ngữ được sử dụng** |
| A. Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần |  |
| B. Học cách tìm nội dung chính |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần văn bản** | **Thuật ngữ được sử dụng** |
| A. Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần | từ khóa, kí hiệu, dấu ngoặc kép... |
| B. Học cách tìm nội dung chính | từ khóa, chủ đề, câu chủ đề, sơ đồ... |

Các từ ngữ trên là thuật ngữ vì chúng có tính chuẩn xác, khoa học, không có sắc thái biểu cảm

Câu 4

Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần của văn bản Chúng ta có thể đọc nhanh hơn:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần văn bản** | **Thuật ngữ được sử dụng** |
| 1. | Ví dụ: tốc độ đọc… |
| 2. | … |
| 3. | … |
| 4. | … |
| 5. | … |
| 6. | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần văn bản** | **Thuật ngữ được sử dụng** |
| 1. Sử dụng một cây bút chì làm vật dẫn | tốc độ đọc, hình minh họa... |
| 2. Tìm kiếm những ý chính và các từ khóa | từ khóa, ý chính, ý phụ... |
| 3. Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5-7 chữ | tầm mắt, chữ, hình minh họa, tốc độ đọc... |
| 4. Tập nghe nhạc nhịp độ nhanh trong lúc đọc khi bạn có một không gian riêng | tốc độ đọc, não, mắt... |
| 5. Đọc phần tóm tắt cuối chương trước | tóm tắt, chương, thông tin |
| 6. Liên tục thúc đẩy và thử thách khả năng của bạn | vận động viên, cơ bắp, kĩ thuẩ, hệ thống thần kinh, não bộ... |

Các từ ngữ trên là thuật ngữ vì chúng có tính chuẩn xác, khoa học, không có sắc thái biểu cảm

Câu 5

Vận dụng kiến thức đã học từ các môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Toán học, Khoa học tự nhiên,... để tìm thuật ngữ và ngành khoa học thích hợp, sau đó hoàn chỉnh bảng tổng hợp dưới đây

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuật ngữ** | **Giải thích** | **Ngành khoa học** |
| muối | là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kể với một hay nhiều gốc a-xít | Khoa học Tự nhiên |
|  | là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác |  |
|  | là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái |  |
|  | là thiên thể có thể tự phát ra ánh sáng |  |
|  | là lực hút của Trái Đất |  |
|  | là góc có số đo bằng 90\* |  |
|  | là đường nối liền các điểm có cùng độ cao trên lược đồ địa hình |  |
|  | là thể loại văn học viết cho thiếu nhi, nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa |  |
|  | là một thời kì tiền sử kéo dài mà trong giai đoạn này đá đã được sử dụng rộng rãi để tạo ra các công cụ có cạnh sắc, đầu nhọn |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuật ngữ** | **Giải thích** | **Ngành khoa học** |
| muối | là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kể với một hay nhiều gốc a-xít | Khoa học Tự  nhiên |
| lực | là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác | Khoa học Tự nhiên |
| tính từ | là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái | Ngữ văn |
| sao | là thiên thể có thể tự phát ra ánh sáng | Khoa học Tự nhiên |
| trọng lực | là lực hút của Trái Đất | Khoa học Tự nhiên |
| góc vuông | là góc có số đo bằng 90\* | Toán học |
| Đường đồng mức | là đường nối liền các điểm có cùng độ cao trên lược đồ địa hình | Khoa học xã hội (Địa lí) |
| Truyện đồng thoại | là thể loại văn học viết cho thiếu nhi, nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa | Ngữ văn |
| Thời kì đồ đá | là một thời kì tiền sử kéo dài mà trong giai đoạn này đá đã được sử dụng rộng rãi để tạo ra các công cụ có cạnh sắc, đầu nhọn | Khoa học xã hội (Lịch sử) |

**Câu 6**

Chỉ ra một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản Chúng ta có thể đọc nhanh hơn? và Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản | Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ | Tác dụng |
| Chúng ta có thể đọc nhanh hơn? | Hình minh họa 1,2 (mục 1)   Hình minh họa3(mục3) | Hình minh họa giúp hình dung rõ hơn cách “dùng vật dẫn dường” để điều chỉnh tốc độ đọc  Hình minh họa giúp phân biệt rõ cách “đọc từng chữ” với “chụp” cả cụm 5-7 chữ |
| Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học | Hinh minh họa “Phân vùng” trang ghi chép (phần A, mục 1) | Hình minh họa giúp hình dung rõ cách phân 3 vùng để ghi chép có hệ thống, bổ sung khi cần |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Tìm thêm một số thuật ngữ thuộc lĩnh vực văn học và giải thích ý nghĩa*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn

**IV. Phụ lục**

**PHT số 1**

**Thuật ngữ**

Thuật ngữ

Khái niệm

Đặc điểm

Chức năng

**Gợi ý**

**Thuật ngữ**

Thuật ngữ

Khái niệm

Đặc điểm

Chức năng

Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản thông tin thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn bản nghị luận.

Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại.

Thuật ngữ không có tính biểu cảm.

Dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ.

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: BÀI HỌC TỪ CÂY CAU**

**(Nguyễn Văn Học)**

**Thời gian thực hiện : 1 tiết ( tiết 61)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Chủ điểm *Từng bước hoàn thiện bản thân*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết được một số thông tin chính của văn bản

- Liên hệ, kết nối với *VB Chúng ta có thể đọc nhanh hơn? Và Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học* để hiểu hơn về chủ điểm *Từng bước hoàn thiện bản thân*

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu quý, trân trọng, bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1:MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ GV tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*+ Cách 2: Trò chơi Ô chữ bí mật*

*Hàng ngang 1:*

*Mình nhỏ mỏ bé tí ti,*

*Biết bay biết nhảy chẳng đi bao giờ*

*- Là con gì?*

*Hàng ngang 2: Loài thực vật dùng để sản xuất ra gỗ, có thân dài, nâng đỡ bộ lá quang hợp hoặc có nhánh mọc trên thân cây được gọi chung là cây gì?*

*Hàng ngang số 3: Điền từ còn thiếu vào câu thơ:*

*Tôi nghe…nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*

*Hàng ngang số 4:*

*Nhà sạch thì mát ai ơi,*

*Bách gia vạn hộ nhờ tôi sạch nhà, Sần gần cho đến ngõ xa,*

*Sớm chiều ngóc ngách vào ra tôi hầu*

*- Là cái gì?*

*Hàng ngang số 5: Điền từ còn thiếu vào câu thơ sau:*

*“Có phải duyên nhau thì thắm lại,*

*Đừng… như lá, bạc như vôi."*

*Hàng ngang số 6: Điền từ còn thiếu vào thành ngữ: “…là đầu câu chuyện”*

*+ Em biết gì về cây cau?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời tham gia trò chơi

*+ Chim sẻ*

*+ Thân gỗ*

*+ Truyện cổ*

*+ Chổi*

*+ Xanh*

*+ Miếng trầu*

*=> Cây cau*

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  | **C** | **H** | **I** | **M** | **S** | **Ẻ** | **6** |
| **2** |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Â** | **N** | **G** | **Ỗ** |  |  | **6** |
| **3** |  |  |  |  |  | **T** | **R** | **U** | **Y** | **Ệ** | **N** | **C** | **Ổ** |  | **8** |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  | **C** | **H** | **Ổ** | **I** |  |  | **4** |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  | **X** | **A** | **N** | **H** |  |  |  | **4** |
| **6** | **M** | **I** | **Ế** | **N** | **G** | **T** | **R** | **Ầ** | **U** |  |  |  |  |  | **9** |

**B. HOẠT ĐỘNG 2** :**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 30 phút)**

**I Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Biết cách đọc văn bản thơ, giới thiệu về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ Hs thảo luận nhóm đôi để hoàn thiện PHT số 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các cuộc hỏi - đáp | Hỏi | đáp |
| Giữa “ông” với “bố” |  |  |
| Giữa “ông” với “tôi” |  |  |
| Giữa “tôi” với “ông” |  |  |
| Giữa “tôi” với hàng cau |  |  |

*+ Theo em, những cây cau có gì đặc biệt mà có thể khơi gợi ở mỗi người trong gia đình của nhân vật “tôi” “một cách nghĩ”, “một cách sáng tạo, cách sống và làm việc,...”?*

*+ Trong đoạn văn cuối, từ câu “Một ngày bình an, tôi ngước lên hàng cau và hỏi: “Ở trên đó cau có gì vui?”, đến hết văn bản, nhân vật xưng “tôi” trò chuyện với hàng cau hay trò chuyện với chính mình? Vì sao em kết luận như vậy?*

*+ Tại sao có thể nói: Trò chuyện về cây cau, với cây cau cũng là cách giúp các nhân vật tự hoàn thiện bản thân?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**NV1: Hướng dẫn hs đọc, tìm hiểu chú thích**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*

*+ Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm?*

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- Nguyễn Văn Học

- Quê quán: Phú Xuyên

- Tác phẩm chính: “Những cô gái  bất hạnh ” (NXB Lao động, 2007); “Gái điếm” (NXB Văn học, 2008); “Đường dài của hạnh phúc” (NXB Công an nhân dân, 2008); “Rơi xuống vực sâu” (NXB Công an nhân dân 2009); “Bão người” (NXB Công an nhân dân 2009); “Cao bay xa chạy” (NXB Hà Nội 2010)…

**b. Tác phẩm Bài học từ cây cau**

- Thể loại: truyện ngắn

- Xuất xứ: trích trong “Trò chuyện với hàng cau”, Báo Quân đội nhân dân, 9/4/2020

- Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm

- Ngôi kể: kể theo ngôi thứ nhất

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1: Từ đầu đến “dòng họ ta”: Sự gắn bó của những thành viên trong gia đình nhân vật “tôi” với cây cau

+ Phần 2: Còn lại: Bài học rút ra từ cây cau của nhân vật “tôi”

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số thông tin chính của văn bản

- Liên hệ, kết nối với *VB Chúng ta có thể đọc nhanh hơn? Và Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học* để hiểu hơn về chủ điểm *Từng bước hoàn thiện bản thân*

- Biết yêu quý, trân trọng, bảo vệ thiên nhiên.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ Hs thảo luận nhóm đôi để hoàn thiện PHT số 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các cuộc hỏi - đáp | Hỏi | đáp |
| Giữa “ông” với “bố” |  |  |
| Giữa “ông” với “tôi” |  |  |
| Giữa “tôi” với “ông” |  |  |
| Giữa “tôi” với hàng cau |  |  |

*+ Theo em, những cây cau có gì đặc biệt mà có thể khơi gợi ở mỗi người trong gia đình của nhân vật “tôi” “một cách nghĩ”, “một cách sáng tạo, cách sống và làm việc,...”?*

*+ Trong đoạn văn cuối, từ câu “Một ngày bình an, tôi ngước lên hàng cau và hỏi: “Ở trên đó cau có gì vui?”, đến hết văn bản, nhân vật xưng “tôi” trò chuyện với hàng cau hay trò chuyện với chính mình? Vì sao em kết luận như vậy?*

*+ Tại sao có thể nói: Trò chuyện về cây cau, với cây cau cũng là cách giúp các nhân vật tự hoàn thiện bản thân?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

Câu 1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các cuộc hỏi - đáp | Hỏi | đáp |
| Giữa “ông” với “bố” | “Nhìn lên cây cau con thấy điều gì?” | “Con thấy bầu trời xanh” |
| Giữa “ông” với “tôi” | “Nhìn lên cây cau cháu thấy điều gì?” | “Cháu thấy bài học làm người ngay thẳng. Đó là triết lý của ông phải không ạ?” |
| Giữa “tôi” với “ông” | “Vậy nhìn lên cây cau, ông đã thấy gì ạ?” | “Ông thấy tương lai đẹp của dòng họ ta” |
| Giữa “tôi” với hàng cau | - “Ở trên đó cau có gì vui?”  - “Cau có thấy bầu trời cao rộng” | - Từ trên những tàu cau một đàn chim xòe cánh bay ra  - Những tàu cau đung đưa, tạo ra âm thanh xào xạc |

Câu 2:

- Theo em, điều đặc biệt ở cây cau, hàng cau: hình dáng, cốt cách, sức sống của cây cau gợi nhắc sự ngay thẳng, vươn cao, cứng cỏi, hòa hợp đón nắng, đón gió, đón chim muông,...

- Về phía các nhân vật trong gia đình "tôi": mỗi người một thế hệ, một kiểu trải nghiệm, một kỉ niệm, tình cảm riêng khi nhìn ngắm cây cau...

=> Đó là những đặc điểm riêng biệt có thể khơi gợi ở mỗi người trong gia đình của nhân vật “tôi”: “một cách nghĩ”, “một cách sáng tạo, cách sống và làm việc,…”

Câu 3: Nhân vật “tôi” trò chuyện với ai

- Có 3 khả năng

+ Trò chuyện với cây cau

+ Trò chuyện với chính mình

+ Trò chuyện với cau cũng là trò chuyện với chính mình

- Hs lí giải: Đây là lời trò chuyện với cây cau vì “tôi” đã đặt câu hỏi hướng đến cây cau: “Ở trên đó cau có gì vui?”, “Cau có thấy bầu trời cao rộng?”…Tuy nhiên, đây cũng là lời trò chuyện với chính mình vì cây cau vốn là vật vô tri vô giác, thế nên chỉ là đối tượng mà nhân vật “tôi” mượn để nói lên tâm tư, suy nghĩ của chính mình

Câu 4:

Có thể nói: Trò chuyện về cây cau, với cây cau cũng là cách giúp các nhân vật tự hoàn thiện bản thân vì con người sống giữa thiên nhiên, không chỉ tìm kiếm trong thiên nhiên vẻ đẹp muôn hình vạn trạng mà còn học được ở thiên nhiên biết bao nhiêu bài học quý báu. Muốn như vậy, phải có khả năng làm bạn với thiên nhiên, tìm được tiếng nói chung với thiên nhiên.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**III.Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*

*+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hướng dẫn

- HS suy nghĩ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm

**1. Nội dung**

- Qua văn bản Bài học từ cây cau ta thấy được sự trân trọng, yêu mến cây cau của nhân vật “tôi”. Cây cau để lại cho tác giả nhiều kỉ niệm tuổi thơ, cây cau cùng những câu hỏi của ông nội cũng giúp tác giả có những bài học trong cuộc sống.

**2. Nghệ thuật**

- Giọng văn tha thiết, nhẹ nhàng, sâu lắng

- Tác giả thành công khi thể hiện cái “tôi” trữ tình

- Hình ảnh gợi cảm

- HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP (10 phút)**

**0 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ khi tham gia trò chơi, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv hướng dẫn hs củng cố bài học bằng trò chơi “Vòng quay văn học” hoặc trò tương tự

**Câu 1: Văn bản *Bài học từ cây cau* của tác giả nào?**

1. Duy Khán.
2. Băng Sơn.
3. Nguyễn Ngọc Tư.
4. **Nguyễn Văn Học.**

**Câu 2: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, phía trước nhà cây cau được trồng gắn với các sự kiện nào?**

1. **Khi ông bà sinh ra bố.**
2. Năm bố lập gia đình.
3. Năm tôi được sinh ra.
4. Khi ông bà dựng nhà riêng cho bố mẹ tôi.

**Câu 3: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, hàng cau sau nhà được trồng gắn với các sự kiện nào?**

1. Khi ông bà sinh ra bố.
2. **Năm bố lập gia đình.**
3. Năm tôi được sinh ra.
4. Khi ông bà dựng nhà riêng cho bố mẹ tôi.

**Câu 4: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, theo tác giả, hàng cau trước và sau nhà, hoa trong khuôn viên đã tạo nên điều gì?**

1. Sự bình yên cho ngôi nhà.
2. Vẻ đẹp bình dị cho ngôi nhà.
3. **Khoảng trữ tình mướt mát làm nên sự hài hòa bởi khoảng cách.**
4. Vẻ đẹp thơ mộng, trong lành và mát mẻ cho ngôi nhà.

**Câu 5: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, vì sau tác giả lại xem cây cau tự nhiên và thân thuộc như tình thân?**

1. Vì cây cau gắn với tuổi thơ của tác giả, gắn với ngôi nhà gia đình tác giả sinh sống.
2. Vì cây cau gắn với kỉ niệm về người ông, gắn với ngôi nhà tổ.
3. Vì cây cau gắn với kỉ niệm về người bố, gắn với những kỉ niệm tuổi thơ của tác giả.
4. **Vì ngày nào cau cũng hiện diện trước nhà là thực thể trong đời sống và trong nhiều sinh hoạt văn hóa.**

**Câu 6: Ai là người gieo vào lòng tác gỉa tình yêu quê nhà, yêu những cây cau mộc mạc?**

1. **Ông tôi.**
2. Mẹ tôi.
3. Bố tôi.
4. Chú tôi.

**Câu 7: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, ông nội tôi đã hỏi bố điều gì?**

1. Con thấy các hàng cau của gia đình mình như thế nao?
2. **Nhìn lên hàng cau con thấy điều gì?**
3. Con có biết vì sao bố thích trồng cau không?
4. Con có biết hàng cau trước nhà trồng được bao nhiêu năm rồi không?

**Câu 8: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, người bố đã trả lời như thế nào?**

1. Con thấy những tàu cau đung đưa, tạo ra âm thanh xào xạc.
2. **Con thấy bầu trời xanh.**
3. Con thấy từ trên những tàu cau một đàn chim xòe cánh bay ra.
4. Con thấy bài học làm người ngay thẳng.

**Câu 9: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, khi được hỏi *Nhìn lên cây cau, cháu thấy điều gì*, người cháu đã trả lời ông như thế nào?**

1. Cháu thấy bầu trời xanh ạ.
2. Cháu thấy bầu trời xanh, thấy những tổ chim ạ.
3. **Cháu thấy bài học làm người ngay thẳng.**
4. Cháu thấy tình yêu của ông đối với ngôi nhà, đối với quê hương ạ.

**Câu 10: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, khi người cháu hỏi ông, nhìn lên cây cau, ông thấy điều gì, người ông đã trả lời như thế nào?**

1. Ông thấy yêu nhà, yêu quê hương, yêu đất nước mình hơn.
2. Ông thấy những tàu cau đung đưa, tạo ra âm thanh xào xạc.
3. Ông thấy từ trên những tàu cau một đàn chim xòe cánh bay ra.
4. **Ông thấy tương lai tươi đẹp của dòng họ ta.**

**Câu 11: Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, có bao nhiêu cuộc đời - đáp giữa các nhân vật với nhau?**

1. Hai cuộc hỏi - đáp.
2. **Ba cuộc hỏi - đáp.**
3. Bốn cuộc hỏi - đáp.
4. Năm cuộc hỏi - đáp.

**Câu 12: Nhân vật tôi đã hỏi hàng cau những điều gì?**

1. **Ở trên đó cau có gì vui? Cau có thấy bầu trời cao rộng.**
2. Cau ơi, cau có từ bao giờ vậy? Sao cau lại mọc thẳng được như vậy?
3. Cau ơi, cau có biết tôi yêu cau lắm không?
4. Cau ơi, cau có biết tôi học được bao nhiêu bài học làm người từ cau không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG 4:VẬN DỤNG ( 5 phút)**

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Sưu tầm những bài thơ viết về cây cau*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**- GV tổ chức hoạt động**

- Hs báo báo kết quả,

Cây cau

Ông trồng cây cau

Từ ngày xa lắc

Ngọn cây vút cao

Giữa trời xanh ngắt

Thân gầy mảnh khảnh

Nhưng rất dẻo dai

Mặc cho giông bão

Vẫn vươn cao hoài

Lá xoè răng lược

Chải tóc mây xanh

Tháng năm không nghỉ

Ru con gió lành

Chim về làm tổ

Ríu ran sớm chiều

Mái nhà nho nhỏ

Sao mà đáng yêu

Những đêm trăng đẹp

Cau thức cùng trăng

Toả hương thơm ngát

Dọc con đường làng.

 (Nguyễn Lãm Thắng)

Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét

**Bước 4: kết luận, nhận định**

**IV. Phụ lục**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 62)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Chủ điểm Từng bước hoàn thiện bản thân

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ:

*Cách 1: GV chiếu video “Báo động tai nạn đuối nước cho học sinh xem”*

*Cách 2: Em đã bao giờ chứng kiến hay nghe kể về một câu chuyện liên quan đến việc đuối nước chưa. Hãy chia sẻ về câu chuyện đó*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm :Hs quan sát video và chia sẻ

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Trong vô số các hiểm họa rình rập con người thì đuối nước được coi là khá nghiêm trọng bởi lẽ nạn nhân của nó chủ yếu là đối tượng học sinh. Giảm thiểu tối đa tai nạn đuối nước là trách nhiệm chung của tất cả mọi người cũng như chúng ta ở đây. Văn bản Phòng tránh đuối nước sẽ trang bị cho các em kĩ năng này

**B. HOẠT ĐỘNG** 2:**HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 25 phút)**

**I Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Biết cách đọc văn bản, giới thiệu về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Hướng dẫn hs đọc, tìm hiểu chú thích**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*

*+ Giới thiệu vài nét về tác phẩm?*

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm :

- Xuất xứ: In trong Cẩm nang phòng tránh đuối nước, Thạc sĩ - Bác sĩ Nguyễn Trọng An (Chủ biên)

- Bố cục (4 phần)

+ Phần 1 (Từ đầu đến “nước sâu, nguy hiểm”): Quy tắc đảm an toàn ở những nơi có nước sâu nguy hiểm

+ Phần 2 (Tiếp đến “giám sát trên bờ”): Quy tắc học bơi

+ Phần 3 (Tiếp đến “người lớn”): Cần kiểm tra an toàn trước khi xuống nước và trong các môi trường nước cụ thể.

+ Phần 4 (Còn lại): Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội.

- Thể loại: văn bản thông tin

- Phương thức biểu đạt: thuyết minh

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*+ Văn bản trên thuyết minh về vấn đề gì? Gồm những đề mục nào?*

*+ Hoàn thành PHT số 1 để làm rõ các điều khoản trong phòng tránh đuối nước trong mục 4*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Điều khoản* | *Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản* | *Giải thích điều khoản* |
| *1* | *Không bơi sau khi ăn* | *bởi như thế rất có hại cho dạ dày* |
| *2* | *…* |  |

*+ Theo em, văn bản trên có nên đưa thêm hình minh họa hay không? Nếu có, nên đưa hình minh họa cho nội dung đề mục nào? Nếu không, hãy giải thích lí do.*

*+ Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc kiểu văn bản giới thiệu, thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu hiệu chung để nhận biết văn bản thông tin giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** | **Văn bản Cách ghi chép nội dung bài học** |
| Nội dung: giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động |  |
| Hình thức: Bố cục rõ ràng, có các đề mục, kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ |  |
| Mục đích: Giúp người đọc hiểu ý nghĩa, cách thức thực hiện |  |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

**Câu 1:**

- Văn bản thuyết minh về vấn đề các quy tắc phòng tránh đuối nước

- Gồm những đề mục:

+ Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm.

+ Học bơi

+ Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể

+ Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Điều khoản | Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản | Giải thích điều khoản |
| 1 | Không bơi sau khi ăn | bởi như thế rất có hại cho dạ dày |
| 2 | Kiểm tra lại độ sâu | hầu hết những ổn thương ở vùng cổ và lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn |
| 3 | Chỉ bơi ở những nơi an toàn, cho phép bơi lội | khó mà biết được dưới mặt nước hiền hòa kia ẩn chứa những hiểm họa gì |
| 4 | Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ | sẽ không có ai cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dù bơi giỏi |
| 5 | Không bơi khi quá nóng hoặc mệt | môi trường nước có thể làm thân nhiệt hạ xuống đột ngột hoặc khiến mất sức nhiều hơn |
| 6 | Không nên bơi lội trong vùng nước dơ bẩn hay bùn lầy | không thể nhìn thấy được dưới đấy nước và có thể bị mắc cách bệnh ngoài da, ngứa ngáy khắp người |
| 7 | Không vừa ăn, vừa bơi | tránh sặc nước |
| 8 | Không bơi khi người có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về | dễ bị cảm |
| 9 | Lên bờ ngay khi trời tối, có sấm chớp và mưa |  |

**Câu 3:**

Theo em, văn bản trên nên đưa thêm hình minh họa. Nên đưa vào mục 3. Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể. Vì mục này có nhắc đến cảnh báo và kí hiệu nếu có hình minh họa sẽ dễ hiểu hơn.

**Câu 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu hiệu chung để nhận biết văn bản thông tin giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** | **Văn bản Cách ghi chép nội dung bài học** |
| Nội dung: giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | Nội dung: thuyết minh về các quy tắc phòng tránh đuối nước |
| Hình thức: Bố cục rõ ràng, có các đề mục, kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ | Hình thức: Bố cục gồm 4 phần lớn (thông tin bậc 1) và các phần nhỏ (thông tin bậc 2), đề mục rõ ràng, kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ |
| Mục đích: Giúp người đọc hiểu ý nghĩa, cách thức thực hiện | Mục đích: Giúp người đọc hiểu cách thức thực hiện các biện pháp phòng chống đuối nước |

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**III Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*

*+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hướng dẫn

- HS suy nghĩ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm

**1. Nội dung**

- Văn bản Phòng tránh đuối nước cung cấp tri thức về cách phòng tránh đuối nước.

**2. Nghệ thuật**

- Đề mục rõ ràng, trình bày các phần hợp lí, khoa học, dễ theo dõi

- Lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục

- HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “…” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ khi tham gia trò chơi, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*- Gv hướng dẫn hs củng cố bài học bằng trò chơi “…”*

**1. Văn bản *Phòng tránh đuối nước* có mấy để mục**

A. Hai đề mục. B. Ba đề mục  **C. Bốn đề mục.** D. Năm đề mục.

**2. Đề mục nào không có trong văn bản *Phòng tránh đuối nước?***

A. Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm.

B. Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể.

C. Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội.

**D. Chỉ học bơi ở các bể bơi được cấp giấy phép hoạt động.**

**3. Phương án nào chưa chính xác khi nói về vấn đề bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm?**

A. Rào quanh ao, hồ nước, rãnh nước xung quanh nhà hoặc nơi công cộng.

**B. Lắp đèn nháy ở những nơi các dụng cụ chứa nước trong gia đình như giếng, bể, lu chứa,...**

C. Làm nắp đậy an toàn, khóa cẩn thận các dụng cụ chứa nước trong gia đình như giếng, bể, lu chứa,...

D. Cắm biển báo những nơi nước sâu, nguy hiểm.

**4. Phương án nào chưa chính xác khi nói về các điều kiện để học bơi?**

A. Chọn chỗ nước nông, xuống nước với người biết bơi.

B. Mặc áo phao hoặc mang theo phao bơi.

C. Có người cứu hộ giám sát trên bờ.

**D. Cần đi bơi cùng các bạn trong nhóm.**

**5. Khi đi bơi tại bể bơi công công cần kiểm tra an toàn như thế nào?**

**A. Cần quan sát để biết chắc chắn rằng bể bơi có đầy đủ người cứu hộ và những người này ở khoảng cách đủ gần để có thể cứu hộ ngay lập tức.**

B. Luôn tuân thủ các cảnh báo và ký hiệu của đội cứu hộ.

C. Luôn bơi gần với người giám hộ.

D. Luôn đứng ở vị trí nông hơn người giám hộ.

**6. Khi đi bơi tại đi bơi tại bãi biển cần chú ý điều gì?**

A. Cần quan sát để biết chắc chắn rằng trên bãi biển bơi có nhều người đang bơi.

**B. Luôn tuân thủ các cảnh báo và kí hiệu của đội cứu hộ, luôn bơi gần với người giám hộ và đứng ở vị trí nông hơn người giám hộ.**

C. Cần phải trang bị các phương tiện cứu hộ.

D. Cần biết nhảy sóng khi có các con sóng to để tránh nguy hiểm.

**7. Điều kiện nào chưa chính xác khi nói về kiểm tra an toàn trước khi xuống nước tại hồ bơi gia đình?**

**A. Cần trang bị hệ thống đèn nháy.**

B. Cần phải trang bị các phương tiện cứu hộ.

C. Cần làm hàng rào bảo vệ cao ít nhất 1,2 m quanh hồ bơi.

D. Không tự bơi, cần có sự giám sát của người lớn.

**8. Trong mục *Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội*, tác giả đã đưa ra mấy quy tắc?**

A. Bảy quy tắc. C. Tám quy tắc.

**C. Chín quy tắc.** D. Mười hai quy tắc.

**9. Vì sao ngay cả khi em là người bơi lội giỏi cũng không nên bơi lội một mình nơi vắng vẻ?**

**A. Vì sẽ không có ai cứu em, khi em gặp tình huống nguy hiểm.**

B. Vì không có người xem tài năng bơi lội của em.

C. Vì không có ai để thi tài cùng em.

D. Vì không ai tính giờ và tính số vòng bơi cho em.

**10. Bởi sau khi ăn có tác hại gì?**

A. Không bơi nhanh được. B. Hay gặp tình huống nguy hiểm.

**C. Có hại cho dạ dày.**  D. Có hại cho tim.

**11. Vì sao không nên vừa ăn, vừa bơi?**

A. Không bơi nhanh được.  **B. Tránh sặc nước.**

C. Có hại cho dạ dày. C. Có hại cho hệ thống tiêu hóa.

**12. Vì sao không nên bơi khi người ra nhiều mồ hôi hoặc đi ngoài nắng về?**

A. Vì dễ gặp tình huống nguy hiểm. B. Vì có hại cho dạ dày.

C. Mất sức nhiều hơn. **D. Rất dễ bị cảm.**

**13. Trong khi bơi cần lên bờ ngay khi gặp những tình huống nào?**

A. Khi trời tối và còn lại ít người cùng bơi.

**B. Khi trời tối, có sấm chớp và mưa.**

C. Khi trời tối và có sấm chớp.

D. Khi trời tối và đói bụng.

**14. Theo tác giả hầu hết những tổn thương ở vùng cổ và lưng trong bơi lội là do:**

**A. Những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ nước có mực nước cạn.**

B. Bơi không đúng kỹ thuật.

C. Bơi ở dưới ao hồ có mực nước quá sâu.

D. Bơi ở những ao hồ dưới lòng hồ có nhiều sắt, thép...

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 5 phút)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1:Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Thiết kế inphoraphic về các quy tắc an toàn khi bơi lội*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm Hs thực hành

- Hs khác nhận xét sản phẩm

**Bước 4:kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**B.VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết ( từ tiết 63 đến tiết 64)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được yêu cầu kiểu bài bài văn biểu cảm về con người và sự việc

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv nêu câu hỏi, học sinh trả lời

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Gv tổ chức trò chơi “Kí ức vui vẻ”. Cho học sinh tham gia một số trò chơi như: Ô ăn quan/ chuyền thẻ…*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, hỗ trợ

- HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4:Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 85 phút )**

**I.Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được yêu cầu kiểu bài thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu về kiểu bài**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Thế nào là thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động?*

*+ Em hãy cho biết khi viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn

- GV quan sát, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS trình bày câu trả lời:

\* Kiểu bài: Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động: là kiểu bài người viết dùng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ, hoặc kết hợp với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, thuyết minh để người đọc hiểu rõ quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động. Đó chính là những mục mà người tham gia cần tuân thủ, nhằm đảm bảo sự an toàn và hiệu quả cho hoạt động.

\*Yêu cầu đối với kiểu bài:

 - Nhan đề nêu được tên quy tắc/luật lệ của hoạt động.

 - Nội dung bài viết cần đảm bảo những phần sau:

+ Giới thiệu ngắn gọn về thời gian, không gian thực hiện hoạt động, mục đích, ý nghĩa của hoạt động.

+ Liệt kê một số phương tiện cần chuẩn bị cho hoạt động

+ Lần lượt thuyết minh về quy tắc/luật lệ của hoạt động: những điều khoản, quy ước nhằm đảm bảo cho hoạt động thực hiện an toàn, hiệu quả.

- Cấu trúc bài gồm các phần: mở đầu, phần chính, kết thúc.

+ Mở đầu: nêu tên trò chơi/ hoạt động, lí do giới thiệu quy tắc trò chơi, hoạt động.

+Phần chính của bài viết, cần tập trung thuyết minh về các nội dung/ điều khoản trong quy tắc, luật lệ của hoạt động giúp người tham gia hiểu rõ và tuân thủ

+ Khẳng định lại quy tắc, ý nghĩa của quy tắc trong trò chơi/ hoạt động

* Hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**II Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết yêu cầu của kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs đọc và trả lời 5 câu hỏi sgk trang 114*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn

- GV quan sát, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**- Gv tổ chức hoạt động**

- HS trình bày câu trả lời:

***Văn bản: Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở đại bàn rừng núi***

**Câu 1:**

Phần mở đầu đã nêu được quy tắc, luật lệ của hoạt động mà người viết cần thuyết minh, chính là giới thiệu một số lưu ý, quy tắc cần tuân thủ khi tìm hiểu phong cảnh thiên nhiên ở địa phương của lớp

**Câu 2:**

Phần chính của văn bản đã tập trung thuyết minh làm rõ 4 quy tắc của hoạt động dã ngoại theo yêu cầu của kiểu bài này.

**Câu 3:**

Các điều khoản hay nội dung cụ thể của quy tắc/ luật lệ được sắp xếp hợp lí và văn bản sử dụng được từ ngữ thích hợp để thể hiện trình tự ấy. Nội dung văn bản được sắp xếp và chia theo thứ tự từng phần rất rõ rệt (thứ nhất, thứ hai, thứ ba…); từ ngữ sử dụng trong văn bản là ngôn ngữ khoa học, dễ hiểu, ngắn gọn.

**Câu 4:**

Khi một điều khoản cần được nhấn mạnh, hoặc cụ thể hóa với nhiều chi tiết thì văn bản được viết thành nhiều đoạn tương ứng với các nội dung điều khoản cụ thể và được đánh dấu thứ tự các điều khoản

**Câu 5:**

Phần kết thúc của văn bản đã đáp ứng được yêu cầu. Trong phần này, người viết đã khẳng định lại quy tắc, nhận định về độ tin cậy, ý nghĩa thực tế của quy tắc hoạt động trong vấn đề được nêu ra

-Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**III. Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

- Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước Chuẩn bị viết**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Hs làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi:

*+ Em sẽ viết về đề tài gì? Yêu cầu của đề bài là gì?*

*+ Văn bản này viết nhằm mục đích gì?*

*+ Người đọc bài viết là ai?*

*+ Em dự kiến thu thập những tư liệu nào? Ở đâu*

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả

**III. Hướng dẫn quy trình viết**

*Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc*

**1. Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Xác định đề tài**

- Đề tài: xác định theo gợi ý sách giáo khoa:

- Mục đích: Trình bày cảm xúc về một sự việc

- Người đọc: Thầy cô, bạn bè…

**b. Thu thập tư liệu**

- Tài liệu thực tế

- Tài liệu lưu trữ

nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv bổ sung, nhận xét

**NV 2: Hướng dẫn học sinh tìm ý, lập dàn ý**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*GV phát PHT số 1 để học sinh tìm ý cho bài viết,*

|  |
| --- |
| **Phiếu ghi chép: Một trò chơi dân gian mà em yêu thích**  *Tên trò chơi dân gian:……………………………………………………………………………...*  *Số lượng người chơi:………………………….…………………………………………………...*  *Cách chơi:…………………………………………………………………………………………...*  *Quy định về trò chơi:…………………………..…………………………………………………...* |

*PHT số 2 để Hs lập dàn ý*

*(phụ lục)*

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv bổ sung, nhận xét

**NV 3: Hướng dẫn học sinh viết bài và xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Gv phát / trình chiếu bảng kiểm*

*+ Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài làm của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả:

**2. Tìm ý, lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

**b. Lập dàn ý**

**3. Viết bài**

- Hs viết thành bài hoàn chỉnh theo dàn ý

**4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

Hs khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- Gv bổ sung, nhận xét

**IV. Phụ lục**

**PHT số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dàn ý** | **Mở đầu** |  |
| **Phần chính** |  |
|  |
|  |
| **Kết thúc** |  |

Bảng kiểm bài viết thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ  
trong trò chơi hay hoạt động

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các phần | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
| Nhan đề,  Mở đầu | Nhan đề nêu được quy tắc, luật lệ của hoạt động/ trò chơi cần thuyết minh. |  |  |
| Lí do thuyết minh quy tắc, luật lệ của hoạt động/ trò chơi. |  |  |
| Phần chính | Giới thiệu mục đích bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động/ trò chơi và sự cần thiết thực hiện hoạt động/ trò chơi theo quy tắc. |  |  |
| Trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc, luật lệ. |  |  |
| Sắp xếp các điều khoản/ nội dung của quy tắc, luật lệ theo trình tự hợp lí. |  |  |
| Sử dụng từ ngữ thể hiện được trình tự các điều khoản nội dung thuyết minh. |  |  |
| Hướng đến việc tác động hay thuyết phục người đọc tuân thủ quy tắc hay luật lệ. |  |  |
| Kết thúc | Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc hay luật lệ. |  |  |
| Đưa ra khuyến nghị, động viên đối với người đọc/ người nghe (nếu có). |  |  |

**C. NÓI VÀ NGHE**

**GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết ( từ tiết 65 đến tiết 66)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết cách giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

Giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

**3. Phẩm chất:**

- Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu video trò chơi cướp cờ. Hs xem video xong GV hỏi: Theo em, việc đầu tiên cần làm trước khi người chơi tham gia trò chơi là gì? Tại sao lại như vậy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày trải nghiệm cá nhân

- GV gọi hs nhận xét: Việc đầu tiên là phải giải thích luật chơi. Để người chơi biết cách tham gia trò chơi và không phạm luật, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:

Khi tổ chức bất cứ trò chơi hay hoạt động nào, việc cần làm đầu tiên là giải thích về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động ấy. Tiết học hôm nay sẽ hỗ trợ các em kĩ năng này.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 60 phút)**

**I. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

**a. Mục tiêu:**

Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Em hãy xác định đề tài, mục đích, không gian và thời gian nói*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ

- Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận:

**Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

- Đề tài: giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (đã thực hiện ở bài viết)

- Mục đích: giới thiệu cho mọi người về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

- Không gian, thời gian nói: Trong lớp học, ở gia đình…

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4:Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh

**NV2: Tìm ý, lập dàn ý**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Sử dụng lại ý chính đã tìm trong bài viết thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2:thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ

- Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm :

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

**b. Lập dàn ý**

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh

**NV3: Hướng dẫn Hs luyện tập, trình bày và trao đổi, đánh giá**

**Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Phát và chiếu bảng kiểm, Hs căn cứ vào tiêu chí của bảng kiểm để có cách trình bày phù hợp*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ

- Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận:

**Bước 3: Luyện tập và trình bày**

- Luyện tập

+ Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói; sử dụng từ ngữ chỉ thứ tự trình bày các bước…

+ Dừng từ ngữ phù hợp với văn nói để khích lệ người nghe thực hiện trò chơi hay hoạt động

+ Chuẩn bị phần mở đầu và kết thúc sao cho hấp dẫn

- Trình bày

+ Chào người nghe và giới thiệu tên

+ Dùng ngôi thứ nhất để giải thích hoạt động và quy cách thực hiện, sử dụng cách xưng hô phù hợp

+ Trình bày rõ ràng, mạch lạc và có điểm nhấn những nội dung liên quan đến quy tắc/ luật lệ của trò chơi hay hoạt động

+ Sử dụng ngữ điệu linh hoạt và đặc biệt là các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ…

**Bước 4: Trao đổi, đánh giá**

- Khi trao đổi, cần

+ Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe

+ Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe

+ Tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều còn thắc mắc qua những kênh liên lạc cá nhân khác

- Khi đánh giá: ở cả vai người nói và nghe, đánh giá dựa theo bảng kiểm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh

**C – D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG ( 20 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động khác*

*và quay lại video*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- Hs thực hiện ở nhà

**IV. Phụ lục**

***Bảng kiểm kĩ năng giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Người nói giới thiệu tên mình. |  |  |
| Phần mở đầu ấn tượng, tạo được sự thu hút. |  |  |
| Phần kết thúc ngắn gọn, lịch sự và tạo được sự khích lệ với người nghe. |  |  |
| Giới thiệu sơ lược về hoạt động. |  |  |
| Trình bày ngắn gọn, rõ ràng những nội dung cần chuẩn bị cho hoạt động. |  |  |
| Giải thích rõ ràng, dễ hiểu quy tắc/ luật lệ của trò chơi hay hoạt động (cách thức) thực hiện, những điều cần lưu ý (nếu có). |  |  |
| Sử dụng từ ngữ phù hợp để làm rõ nội dung, thứ tự sắp xếp các nội dung của quy tắc/ luật lệ. |  |  |
| Sử dụng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt và ngữ điệu phù hợp với nội dung. |  |  |
| Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày. |  |  |
| Tương tác với người nghe. |  |  |
| Chào và cảm ơn người nghe. |  |  |

**ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 01 tiết ( tiết 67)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kiến thức trong chủ đề: Từng bước hoàn thiện bản thân

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**



**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs quan sát ảnh và chia sẻ suy nghĩ về bức ảnh*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời Gợi ý: Hs có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, GV định hướng

- Bản thân chúng ta không ai hoàn hảo, không ai tự nhiên mà đứng trên đỉnh vinh quang cả, chỉ có sự cố gắng, nỗ lực từng ngày mới giúp ta hoàn thiện bản thân mình, giúp chúng ta ngày hôm nay tốt hơn ngày hôm qua…

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**. HOẠT ĐỘNG** **CỦNG CỐ - LUYỆN TẬP (35 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong chủ đề

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Câu 1: Điền các thông tin thích hợp từ các văn bản thông tin đã học trong bài vào các ô, cột để hoàn thành bảng dưới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản thông tin** | **Mục đích viết** | **Thông tin cơ bản** | **Thông tin chi tiết (ví dụ)** |
| Chúng ta có thể đọc nhanh hơn | Giới thiệu phương pháp giúp đọc nhanh hơn | Thông tin cơ bản của văn bản trên: Đưa ra phương pháp để đọc nhanh hơn. | + Sử dụng một cây bút chì làm vật dẫn đường  + Tìm kiếm những ý chính và các từ khóa  + Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5- 7 chữ một lúc  + Tập nghe nhạc nhịp độ nhanh trong lúc đọc khi bạn có một không gian riêng  + Đọc phần tóm tắt cuối chương trước  + Liên tục đẩy và thử thách khả năng của bạn |
| Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học | Hướng dẫn quy tắc ghi chép để nắm chắc nội dung bài học | Thông tin cơ bản của văn bản là đưa ra các cách ghi chép trọng tâm vấn đề | - Lập ra quy tắc ghi chép: Chia rõ các phần  - Học cách tìm nội dung chính  - Phân tích và đối chiếu: Thiết lập mối liên hệ giữa các trọng tâm bài học |
| Phòng tránh đuối nước | Đưa ra những quy tắc an toàn trong bơi lội để phòng tránh đuối nước. | Văn bản trên thuyết minh về vấn đề phòng tránh đuối nước. | - Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm.  - Học bơi  - Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể  - Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội |

**Câu 2:** Khi đọc hiểu một văn bản giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động, em cần nắm vững những đặc điểm nào của kiểu văn bản này?

- Đọc Sa-pô (nếu có) để nắm thông tin chính của văn bản

- Đọc các đề mục, xác định thông itn chính, thông tin chi tiết để hiểu cấu trúc của văn bản

- Quan sát hình ảnh, sơ đồ, sơ đồ, bảng biểu,… đọc cước chú để hiểu rõ thông tin

- Đọc tài liệu tham khảo để tìm hiểu thêm thông tin

- Xác định mục đích viết của văn bản

**Câu 3:** Khi viết một bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động cần lưu ý điều gì?

Khi viết một bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động cần đảm bảo yêu cầu của kiểu bài:

- Nhan đề nêu được tên quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

- Giới thiệu ngắn gọn về thời gian, không gian thực hiện trò chơi hay hoạt động, mục đích, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động

- Liệt kê một số phương tiện cần chuẩn bị cho trò chơi hay hoạt động (nếu có\_)

- Lần lượt thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

- Sử dụng sơ đồ, hình ảnh (nếu có) để làm rõ thông tin

**Câu 4:** Tóm tắt nội dung chính của các bước chuẩn bị và trình bày bài nói giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động

**Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

- Xác định rõ đối tượng người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

- Xác định một số định hướng chung như: quy tắc, luật lệ gồm có những điểm chính nào? Nên triển khai phần chính bằng mấy ý/ mấy đoạn? Bài thuyết minh nên sử dụng các phương tiện nào (ngôn ngữ hoặc phương tiện phi ngôn ngữ)?

- Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu

**b. Lập dàn ý**

- Mở đầu:

+ Nêu tên quy tắc, luật lệ của hoạt động

+ Nêu lí do của việc thuyết minh về quy tắc, luật lệ

- Phần chính:

+ Giới thiệu vắn tắt mục đích, bối cảnh, thời gian không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc

+ Trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc hay luật lệ

+ Nêu một vài lưu ý đặc biệt (nếu có)

- Kết thúc:

+ Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc, luật lệ

+ Đưa ra khuyến nghị đối với người đọc (nếu có)

**Bước 3: Luyện tập và trình bày**

- Luyện tập:

+ Lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp

+ Dùng những câu phù hợp để khích lệ người nghe thực hiện trò chơi hay hoạt động được giới thiệu

+ Chuẩn bị phần mở đầu và kết thúc sao cho hấp dẫn

- Trình bày:

+ Chào người nghe và giới thiệu tên

+ Dùng ngôi thứ nhất để giải thích hoạt động và các quy cách thực hiện

+ Trình bày rõ ràng, mạch lạc và có điểm nhấn những nội dung liên quan

+ Sử dụng ngữ điệu linh hoạt và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

+ Tương tác với người nghe bằng cách nhìn vào mắt họ

+ Sử dụng kết hợp các phương tiện trực quan như hình ảnh, phim ngắn, sơ đồ…

+ Kết thúc bài nói cần cảm ơn sự chăm chú theo dõi của người nghe.

**Bước 4: Trao đổi, đánh giá**

- Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe

- Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe

- Tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều còn thắc mắc qua những kênh liên lạc cá nhân khác nếu không có thời gian trao đổi trực tiếp

**Câu 5:** Hãy chia sẻ với bạn học trong lớp niềm hứng thú của em sau khi đọc một cuốn sách hay. Lưu ý sử dụng một số thuật ngữ trong khi nói.

Gợi ý:

      Chào các bạn! Chắc hẳn trong chúng ta ai cũng có tuổi thơ, đó là quãng thời gian quý giá và thuần khiết nhất của cuộc đời. Và hôm nay, tôi muốn giới thiệu đến các bạn một cuốn sách để lại trong tôi nhiều cảm xúc. Đó chính là cuốn "Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" của tác giả Nguyễn Nhật Ánh. Trên trang bìa cuốn sách là một màu xanh giống như nền xanh của bầu trời, nơi mỗi khi ta ngước lên lại thầm có ước mơ, hy vọng và mong muốn. Hình ảnh chiếc máy bay giấy tuổi thơ tái hiện cho tôi khoảng thời gian vô tư, hồn nhiên và tràn ngập tiếng cười. Sẽ chẳng có phương tiện hay hình thức vận tải nào phù hợp hơn máy bay giấy và những kỉ niệm để có thể đưa ta trở về tuổi thơ. Cuốn truyện có tổng cộng 12 chương xoay quanh cuộc sống những năm tháng tuổi thơ và tình bạn dễ thương của 4 bạn nhỏ. Đọc sách khiến tôi nhớ về tất cả những trò chơi ngày bé như bịt mắt bắt dê, nhảy dây,... nhìn thấy chính bản thân mình ở trong đó với sự thật thà, ngây ngô, có cả dại dột và ước mơ trong lòng. Tôi đã đọc đi đọc lại rất nhiều lần nhưng mỗi lần đọc kỉ niệm tuổi thơ như cơn gió ùa về, mọi thứ như vừa mới xảy ra. Chúng ta không thể trách thế hệ trẻ bây giờ không có tuổi thơ như ngày xưa mà phải trách rằng chính người lớn không thể tạo ra môi trường giống như xưa. "Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" là một cuốn sách hay mà các bạn cũng như các phụ huynh nên đọc một lần. Nó sẽ là quà tặng rất ý nghĩa cho con em cũng như bạn bè của chúng ta. Các bạn hãy thử tìm đến cuốn sách để có những trải nghiệm tuyệt vời nhé!

**Câu 6:** Theo em, việc khám phá và hoàn thiện bản thân có ý nghĩa như thế nào và có thể thực hiện bằng cách nào?

Gợi ý:

Theo em, việc khám phá và hoàn thiện bản thân có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Bởi đó là hành động không ngừng học tập, lao động, tu dưỡng, rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, học hỏi những điểm hay, điểm tốt của người khác để bản thân ngày một tốt hơn, đồng thời góp phần làm cho xã hội trở nên hiện đại, phát triển.

Để thực hiện việc khám phá và hoàn thiện bản thân, chúng ta cần phải:

- Tự nhận thức đúng bản thân

- Có kế hoạch và quyết tâm phấn đấu, rèn luyện bản thân

- Xác định rõ những biện pháp cần thực hiện

- Xác định những thuận lợi, khó khăn quyết tâm thực hiện

**HOẠT ĐỘNG 4:VẬN DỤNG ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Làm video thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**IV. PHỤ LỤC**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết ( từ tiết 68 đến tiết 69)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc trưng của các thể loại: thơ bốn chữ, năm chữ; truyện ngụ ngôn; tùy bút, tản văn; văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Tiếng Việt: dấu chấm lửng, phó từ, ngôn ngữ các vùng miền, mạch lạc tỏng văn bản, thuật ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Kĩ năng đọc văn bản theo đặc trưng các thể loại như: thơ bốn chữ, năm chữ; truyện ngụ ngôn; tùy bút, tản văn; văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Hệ thống được những kiến thức, kĩ năng đã học trong Học kì I

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng, thái độ đã học trong học kì I để giải quyết những tình huống tương tự

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1:MỞ ĐẦU ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs quan sát ảnh và chia sẻ suy nghĩ về bức ảnh*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời: Hs có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, GV định hướng

- Bản thân chúng ta không ai hoàn hảo, không ai tự nhiên mà đứng trên đỉnh vinh quang cả, chỉ có sự cố gắng, nỗ lực từng ngày mới giúp ta hoàn thiện bản thân mình, giúp chúng ta ngày hôm nay tốt hơn ngày hôm qua…

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**B. HOẠT ĐỘNG** **CỦNG CỐ - LUYỆN TẬP ( 70 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong chủ đề

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS. **ĐỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

**Câu 1:** Trình bày ngắn gọn đặc điểm các thể loại đã được học ở học kì I bằng cách hoàn thành bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| Thơ bốn chữ |  |
| Thơ năm chữ |  |
| Truyện ngụ ngôn |  |
| Tùy bút |  |
| Tản văn |  |
| Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động |  |
| Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| Thơ bốn chữ | + Mỗi dòng có 4 chữ.  + Thường có nhịp 2/2.  + Không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ và số khổ trong một bài thơ.  + Sử dụng đan xen vần chân và vần lưng. |
| Thơ năm chữ | + Mỗi dòng có năm chữ.  + Nhịp 3/2 hoặc 2/3.  + Không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ và số khổ trong một bài thơ.  + Sử dụng đan xen vần chân và vần lưng. |
| Truyện ngụ ngôn | + Là truyện kể ngắn gọn, hàm súc.  + Viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.  + Truyện đưa ra bài học về cách nhìn nhận sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.  + Đề tài: vấn đề đạo đức, cách ứng xử.  + Nhân vật: loài vật, đồ vật hoặc con người.  + Cốt truyện: xoay quanh một sự kiện để đưa ra bài học hoặc lời khuyên.  + Tình huống truyện là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ tính cách. |
| Tùy bút | + Là một thể trong ký, dùng để ghi chép, miêu tả.  + Thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của cuộc sống. |
| Tản văn | + Là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng.  + Mang tính chất chấm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội. |
| Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | + Văn bản thông tin.  + Nhằm giúp người đọc hiểu được mục đích, ý nghĩa, quy cách thực hiện.  + Bố cục rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ. |
| Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học | + Thuộc thể nghị luận văn học, được viết ra để bàn về một tác phẩm văn học.  + Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là nhân vật, chi tiết, ngôn ngữ, đề tài, chủ đề,..  + Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.  + Các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lý. |

**Câu 2**

Đọc văn bản Ve và kiến và thực hiện các yêu cầu phía dưới:

Ve và kiến

Ve sầu kêu ve ve

Suốt mùa hè

Đến kì gió bấc thổi

Nguồn cơn thật bối rối

Một miếng cũng chẳng còn

Ruồi bọ không một con

Vác miệng chịu khúm núm

Sang chị kiến hàng xóm

Xin cùng chị cho vay

Dăm ba hạt qua ngày

Từ nay sang tháng hạ

Em lại xin đem trả

Trước thu, thề đất trời!

Xin đủ cả vốn lời

Tính kiến ghét vay cậy

Thói ấy chẳng hề chi

Nắng ráo chú làm gì?

Kiến hỏi ve như vậy

Ve rằng: Luôn đêm ngày

Tôi hát, thiệt gì bác!

Kiến rằng: Xưa chú hát

Nay thử múa coi đây.

(La Phông-ten, Nguyễn Văn Vĩnh dịch)

a. Văn bản trên thuộc thể loại nào? Dựa vào những dấu hiệu nào để xác định như vậy?

b. Tóm tắt văn bản trên bằng một đoạn văn ngắn

c. Nêu nhận xét của em về hai nhân vật ve và kiến

d. Xác định chủ đề của văn bản

Gợi ý:

a. Văn bản trên thuộc thể loại truyện ngụ ngôn. Dựa vào những dấu hiệu:

- Tình huống truyện: Khi mùa đông đến, ve sầu vốn dĩ mải mê ca hát suốt mùa hè trước đó nên không kịp chuẩn bị lương thực. Ve sầu đành vác bụng đói đến nhà kiến xin vay gạo qua ngày. Cuộc đối thoại sau đó giữa ve và kiến đã bộc lộ rõ ve là người không biết tính toán, lo cho tương lai mà chỉ ham vui đùa trước mắt. Việc mải mê múa hát , vui chơi ở mùa hạ rõ ràng không thể giúp ve no ấm trong mùa đông giá rét. Tình huống truyện được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt mà qua đó đặc điểm, tính cách của nhân vật và tư tưởng của nhà văn được bộc lộ rõ nét

- Nhân vật: ve và kiến. Đây là loài vật, không có tên riêng và được gọi bằng danh từ chung. Từ hành động, lời nói, suy nghĩ của ve và kiến, người đọc có thể rút ra một số bài học trong cuộc sống như: cần biết tiết kiệm, lập kế hoạch, tính toán, hoạch định cho tương lai, tránh chuyện mải mê chơi đùa mà bị động trước những biến cố, khó khăn xảy ra trong cuộc sống.

- Cốt truyện: Xoay quanh sự việc vào một ngày mùa đông, ve sầu đến nhà kiến vay gạo ăn vì trước đó chỉ mải mê đùa hát không lo chuẩn bị lương thực. Kiến tỏ thái độ không thích “thói vay cậy” của ve và có ý mỉa mai ve về việc sao không dùng tài múa hát để kiếm ăn vào mùa đông. Qua các sự việc ấy, tác giả muốn gửi đến người đọc một bài học về cuộc sống.

- Không gian: không gian sinh sống quen thuộc của ve và kiến (có thể là trong một khu vườn, khu rừng,…)

- Thời gian: mùa đông

b. Tóm tắt: Mùa đông đến, ve sầu không có nơi trú rét, không có thức ăn phải đến nhà kiến xin vay. Kiến ghét thói vay cậy nên hỏi ve suốt mùa hè đã làm gì. Ve nói suốt mùa hè ve ca hát còn kiến thì bảo để kiến múa cho ve xem.

c. Nhận xét:

- Ve là một kẻ đam mê ca hát, lười biếng, không chịu làm lụng, không biết tiết kiệm, tính toán, lo toan, hoạch định cho tương lai, chỉ ham mê vui ca

- Kiến: là một người chăm chỉ, cần mẫn, khôn khéo và thông minh, biết nhìn xa trông rộng, tính toán lo cho tương lai

d. Chủ đề: bài học về việc chủ động lập kế hoạch, tính toán cho tương lai của bản thân, phòng khi gặp khó khăn, bất trắc

**Câu 3**

Đọc diễn cảm một bài thơ hoặc đoạn thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em yêu thích. Nêu ấn tượng của em về bài thơ, đoạn thơ ấy

Gợi ý:

- Sưu tầm các bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải), Lượm (Tố Hữu), Ông đồ (Vũ Đình Liên), Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh),...

- Để nêu ấn tượng về bài thơ hoặc đoạn thơ bốn chữ, năm chữ, Hs cần

+ Giới thiệu được đoạn thơ hoặc tên bài thơ

+ Trình bày ấn tượng của cá nhân về đoạn thơ hoặc bài thơ ấy: có thể là ấn tượng về đặc điểm nội dung (đề tài, chủ đề, chi tiết, tình cảm, cảm xúc,…) hoặc đặc điểm hình thức (vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật,…) của bài thơ.

+ Trích dẫn một số từ ngữ, hình ảnh, câu thơ,…từ đoạn thơ/bài thơ để làm rõ cho ấn tượng của em

**Câu 4:** Nêu nhận xét về tác dụng của việc kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin qua văn bản Chúng ta có thể đọc nhanh hơn (A-đam Khu) hoặc Cách ghi chép để nắm nội dung bài học (Du Gia Huy)

Gợi ý:

- Tác dụng của việc kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin qua văn bản Chúng ta có thể đọc nhanh hơn (A-đam Khu) là:

+ Văn bản trở nên rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu hơn.

+ Những phần không thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ thì đã có phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh minh họa khiến cho việc đọc hiểu vẫn diễn ra một cách thuận lợi

**Câu 5:** Qua việc đọc các văn bản Em bé thông minh - nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian (Trần Thị Ân), Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” (Hoàng Tiến Tựu), Sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” (Minh Khuê), em rút ra những lưu ý gì trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?

Gợi ý:

Em rút ra những lưu ý trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là:

+ Đọc theo thứ tự từ lớn đến bé: vấn đề được bàn luận, ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ và dẫn chứng.

+ Tìm hiểu được đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong từng tác phẩm.

+ Tìm hiểu các chi tiết phải theo tuần tự hợp lý

**Câu 6:** Dựa vào bảng sau, hãy nêu tên các văn bản, đoạn trích ở phần Đọc mở rộng theo thể loại trong học kì I theo đúng các thể loại sau (làm vào vở)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Thể loại** | **Tên văn bản, đoạn trích đọc mở rộng** |
| 1 | Thơ |  |
| 2 | Truyện ngụ ngôn |  |
| 3 | Tùy bút, tản văn |  |
| 4 | Văn bản thông tin |  |
| 5 | Văn bản nghị luận |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Thể loại** | **Tên văn bản, đoạn trích đọc mở rộng** |
| 1 | Thơ | Con chim chiền chiện (Huy Cận) |
| 2 | Truyện ngụ ngôn | Chân, tay, tai, mắt, miệng. |
| 3 | Tùy bút, tản văn | Mùa phơi sân trước (Nguyễn Ngọc Tư) |
| 4 | Văn bản thông tin | Phòng tránh đuối nước (Nguyễn Trọng An) |
| 5 | Văn bản nghị luận | Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng (Minh Khuê) |

**Câu 7:** Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rặt sân đất, nên nhà nào cũng cặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu. (2) Những ngày hửng nấng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cám mốc, khi thì mớ bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mớ cơm nguội hay mớ lá dừa khô dùng để nhen lửa, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lưng. (4) Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bồ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xâm xấp nước lúa rày đã lấm tấm xanh. (5) Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.

(Nguyễn Ngọc Tư, Mùa phơi sân trước)

a. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong đọan văn trên.

b. Xác định và nêu chức năng của các phó từ có trong các câu (2), (4).

c. Tìm ít nhất ba từ địa phương Nam Bộ có trong đoạn văn trên.

d. Chủ đề xuyên suốt đoạn văn trên là gì? Theo em, trình tự sắp xếp các câu trong đoạn văn trên có giúp chủ đề được liền mạch, thông suốt hay không? Vì sao?

Gợi ý:

a. Công dụng dấu chấm lửng: Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

b. Các phó từ có trong các câu (2), (4):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phó từ** | **Chức năng** |
| 2 | Những, luôn | Những bổ sung cho danh từ ngày, ý ngĩa: số lượng  Luôn bổ sung cho động từ có, ý nghĩa: một cách lặp lại nhiều lần hoặc liên tiếp không ngớt |
| 1 | Những, còn, đã | Những bổ sung cho danh từ nhà, ý nghĩa: số lượng  Còn bổ sung cho động từ phơi, ý nghĩa: khẳng định về một hành động, tính chất nào đó, cả trong trường hợp được nêu ra để đối chiếu, so sánh. Lưu ý: còn trong trường hợp này không phải từ dùng để biểu thị sự tiếp diễn của hành động, trạng thái.  Đã bổ sung ý nghĩa cho từ thấy và tính từ lấm tấm. ý nghĩa: chỉ thời gian |

c. Ba từ địa phương Nam Bộ có trong đoạn văn trên: hồi, mau, rặt, cặm, vô,…

d. Chủ đề xuyên suốt đoạn văn: Kể về công dụng của giàn phơi ở nhà quê thuở trước. Trình tự sắp xếp các câu trong đoạn văn trên hợp lý, giúp chủ đề được liền mạch, thông suốt. Câu đầu khái quát việc ở quê hồi ấy, nhà nào cũng có giàn phơi trước nhà. Các câu sau lần lượt miêu tả cụ thể, chi tiết những thứ được phơi trên những chiếc giàn ấy.

**Câu 8:** Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

  Chi tiết trong văn bản thông tin là đơn vị nhỏ làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ thông tin chính. Trong văn bản thông tin, thông tin cơ bản thường được tóm lược khái quát trong nhan đề, sa-pô. Thông tin chi tiết thường được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn lớn nhỏ trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ (số liệu sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu,...). Khái niệm “chi tiết” được hiểu linh hoạt theo nhiều cấp độ. Có thể sơ đồ hóa các cấp độ như sau:

[Thông tin cơ bản => Thông tin chi tiết bậc 1 => Thông tin chi tiết bậc 2 => v.v.]

a. Xác định các thuật ngữ có trong đoạn văn trên. Đây là các thuật ngữ của ngành khoa học nào?

b. Giải thích ý nghĩa của từ ngữ được in đậm trong đoạn văn trên. Em hãy tìm thêm một số từ ngữ có chứa yếu tố Hán Việt “hóa”

Gợi ý:

a.Tìm các thuật ngữ và cho biết các thuật ngữ đó thuộc ngành khoa học nào.

b.Giải thích từ in đậm và tìm thêm một số từ có chứa yếu tố Hán Việt “hóa”

a. Các thuật ngữ có trong đoạn văn trên là: Chi tiết, nhan đề, sa-pô, ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, sơ đồ hóa.

=> Các thuật ngữ của ngành khoa học xã hội (Ngữ văn)

b. Ý nghĩa của các từ được in đậm trong đoạn văn trên là:

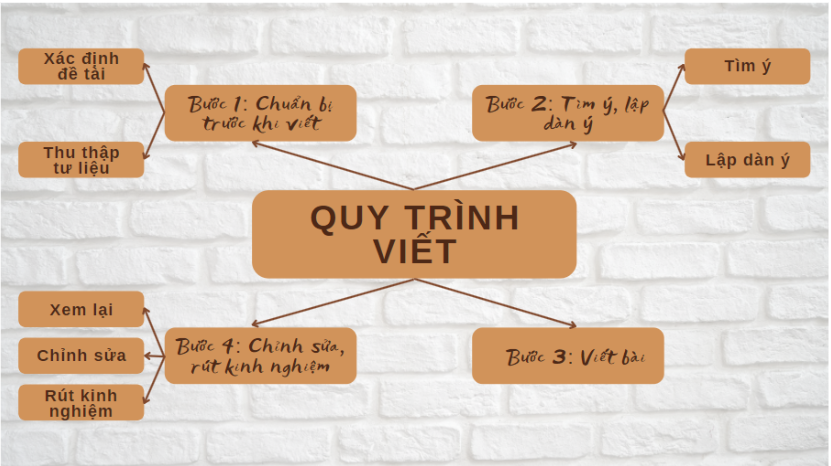
- Hóa: Yếu tố gốc Hán ghép sau để cấu tạo động từ, có nghĩa trở thành hoặc làm cho trở thành, trở nên hoặc làm cho trở nên có tính chất nào đó ( ví dụ: đô thị hóa, công nghiệp hóa…)

- Sơ đồ hóa: chuyển một nội dung nào đó thành dạng sơ đồ. Một số từ ngữ có chứa yếu tố Hán Việt: Việt hóa, đơn giản hóa, phức tạp hóa, sân khấu hóa, tự động hóa

**VIẾT, NÓI VÀ NGHE**

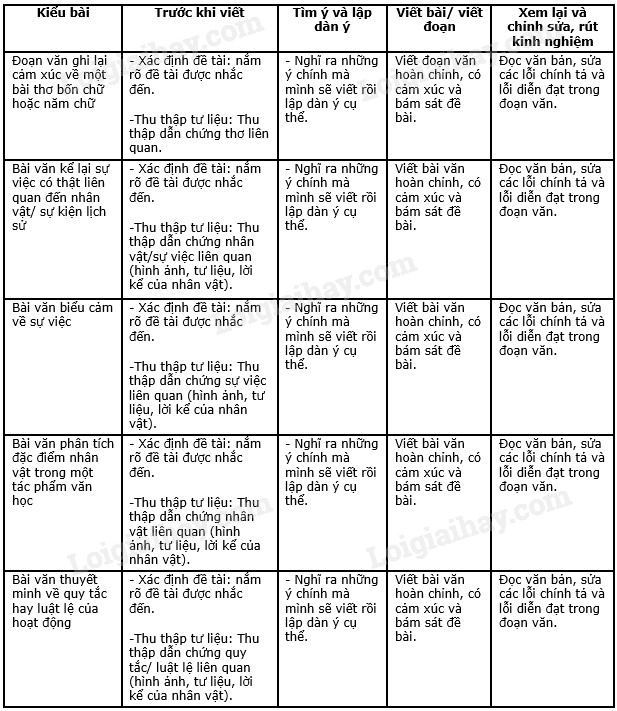
**Câu 9:** Vẽ sơ đồ trình bày các bước trong quy trình viết

(Em vẽ lại trên ppt nhé)



Câu 10: Ghi lại những kinh nghiệm của em khi thực hiện quy trình viết các kiểu bài đã được học ở học kì I dựa vào bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kiểu bài | Trước khi viết | Tìm ý và lập dàn ý | Viết bài/ viết đoạn | Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |
| Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ |  |  |  |  |
| Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử |  |  |  |  |
| Bài văn biểu cảm về sự việc |  |  |  |  |
| Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học |  |  |  |  |
| Bài văn thuyết minh về quy tắc hay luật lệ của hoạt động |  |  |  |  |



**Câu 11:** Cần lưu ý điều gì khi sáng tác một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?

Những điều cần lưu ý khi sáng tác một bài thơ bốn hoặc năm chữ là:

- Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận,..của người viết về cuộc sống.

- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.

- Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.

- Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.

- Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.

- Đảm bảo đủ số chữ (bốn chữ hoặc năm chữ) ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại

**Câu 12:** Nêu một số điểm lưu ý khi trình bày bài nói: Làm thế nào để kể lại một truyện ngụ ngôn thú vị, dí dỏm, hài hước

Một số điểm lưu ý khi trình bày bài nói: Kể lại một truyện ngụ ngôn (có sử dụng cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước) là:

- Xác định rõ mục đích kể, người nghe, không gian và thời gian kể

- Lựa chọn và đọc kĩ để nắm bắt nội dung, bài học được rút ra từ câu chuyện định kể, đặc biệt cần xác định tính chất hài hước, phê phán của truyện được tạo nên từ yếu tố nào (tình huống, nhân vật, hành động, lời nói của nhân vật hay người kể chuyện,…)

- Lựa chọn trình tự kể, cách thức phối hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ để tạo sự thú vị, hài hước cho câu chuyện

- Lựa chọn cách mở đầu và kết thúc sao cho hấp dẫn, thu hút, nói to, rõ ràng, hào hứng, tự nhiên

- Chú ý sử dụng một số cách kể hài hước, thú vị

+ Nhấn mạnh tính hài hước của câu chuyện

+ Sử dụng hình thức chế, nhại

+ Sử dụng cách chơi chữ, nói quá, so sánh

**Câu 13:** Theo em, khi giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, cần làm gì để người nghe có thể hiểu rõ các quy tắc hay luật lệ của trò chơi/ hoạt động đó?

Theo em, khi giải thích về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động điều cần làm để người nghe có thể hiểu rõ các quy tắc hay luật lệ của hoạt động đó là:

- Xác định rõ mục đích nói, người nghe, không gian và thời gian nói

- Dùng ngôi thứ nhất để giải thích hoạt động và các quy cách thực hiện; cần sử dụng cách xưng hô phù hợp với đối tượng người nghe

- Trình bày rõ ràng, mạch lạc và có điểm nhấn những nội dung liên quan đến quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

- Sử dụng ngữ điệu linh hoạt và đặc biệt là các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ để mô tả những hành động, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động được giới thiệu

- Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ để mô tả những hành động, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động được giới thiệu.

- Sử dụng kết hợp các phương thức trực quan như hình ảnh, phim ngắn, sơ đồ,..để minh họa cho một số nội dung của bài nói.

- Dùng những câu phù hợp với văn nói để khích lệ người nghe thực hiện trò chơi hay hoạt động đươc giới thiệu

**Câu 14:** Trong khi trao đổi, tranh luận về một vấn đề, chúng ta nên có thái độ như thế nào trước các ý kiến khác biệt?

Trong khi trao đổi, tranh luận về một vấn đề, em cần có thái độ thế trước các ý kiến khác biệt:

- Thái độ lắng nghe, tôn trọng các ý kiến của người khác.

- Hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm, quyền lợi của mỗi người.

- Lời nói chuẩn mực, chân thành, tôn trọng ý kiến người khác

**d) Tổ chức thực hiện:**

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Làm video thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**IV. PHỤ LỤC**